



NHỰA BÌNH MINH®

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
☎ (84) 28 3969 0973
📠 (84) 28 3960 6814
www.binhminhplastic.com.vn



HOÀN THIỆN
Quản trị
KHẲNG ĐỊNH
Vị thế

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Tầm nhìn

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU
CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIỆT NAM.

CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC,
SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC
VÀ QUỐC TẾ.

Sứ mệnh

CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG
NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA
THỊ TRƯỜNG.

BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA
KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG,
CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.

Giá trị cốt lõi

ĐỒNG THUẬN CAO -
TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ -
VỮNG VÀNG HIỆN TẠI -
TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.



THÔNG điệp từ Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác, và toàn thể Nhân viên.

Trong năm 2018, ngành kinh doanh của chúng ta đã vận hành trong sự cạnh tranh quyết liệt từ những doanh nghiệp cùng ngành hiện hữu cũng như mới gia nhập ngành, công suất cung ứng của ngành đã vượt quá nhu cầu thị trường và thị trường lại không ổn định do những căng thẳng của nền kinh tế thế giới. Công ty tuy vẫn có tăng trưởng so với năm 2017, nhưng lại thấp hơn so với mục tiêu đề ra cho năm 2018. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho HĐQT và Đội ngũ điều hành là phải làm sao để Nhựa Bình Minh đứng vững, cạnh tranh được trên thị trường và trở thành Công ty dẫn đầu tại Việt Nam và Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Một trong những điểm nhấn nổi bật của Công ty trong năm 2018 là đã đạt được sự công nhận của cộng đồng quốc tế khi chúng ta là Công ty Việt Nam duy nhất nhận được giải thưởng cao nhất hạng “World Class” của Giải thưởng chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (GPEA 2018) được bình chọn bởi tổ chức chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQO). Chúng ta đã giữ vững cam kết về hoạt động hoàn hảo và mang đến cho khách hàng Việt Nam thêm những sản phẩm và dịch vụ mới.

Để định hướng cho tương lai, HĐQT tập trung vào những vấn đề mang tính bền vững của Công ty, đó là sự tập trung cho hoạt động cải tiến liên tục trong sản xuất và hiệu quả hoạt động, là sự nâng cao tiêu chuẩn an toàn, là sự triển khai từng phần hệ thống tự động hóa mới, và là sự tăng cường hợp tác giữa Nhựa Bình Minh và các đối tác hàng đầu để phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường. Những chiến lược cơ bản này sẽ trở thành nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai của Công ty.

Năm 2019, Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong những Quốc gia tăng trưởng nhanh tại ASEAN. Với sự tăng trưởng mạnh mẽ này, chúng ta vẫn nhìn thấy nhiều cơ hội trên thị trường, đặc biệt là khi các sản phẩm của Công ty có vai trò lớn trong lĩnh vực xây dựng. Chúng ta cũng nhìn thấy những cơ hội khác trong lĩnh vực nông nghiệp nơi hệ thống tưới tiêu nước sẽ được áp dụng ngày càng nhiều khi Quốc gia phát triển.

HĐQT đưa ra các định hướng cho nhiệm kỳ 2019-2023 để tập trung là:

- Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua các hoạt động cải tiến sản xuất, cắt giảm chi phí và cải thiện kết quả kinh doanh.
- Phát triển chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao hiệu quả công việc và hỗ trợ sự tăng trưởng của Công ty.
- Nâng cao tiêu chuẩn về Quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng thống nhất và minh bạch.
- Đẩy mạnh sự hợp tác với các đối tác chiến lược để phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường.

Tôi tin tưởng rằng với sự ủng hộ từ Cổ đông, sự nỗ lực và nhiệt tình của Đội ngũ quản lý, điều hành và nhân viên, Công ty sẽ tiếp tục

HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ -

KHẲNG ĐỊNH VỊ THỂ

của đơn vị dẫn đầu trên thị trường.

Trân trọng và cảm ơn.

Chủ tịch HĐQT

SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD



MỤC LỤC

TRANG 06 - 29



TRANG 30 - 55



TRANG 56 - 67



TRANG 68 - 75



TRANG 76 - 105



TRANG 106 - 148



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.
5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban Kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV: Cán bộ công nhân viên	SCIC: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
NLD: Người lao động	BMV: Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông	TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
HĐQT: Hội đồng Quản trị	TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
BKS: Ban Kiểm soát	ERP: Enterprise Resource planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
BTGĐ: Ban Tổng Giám đốc	ĐKDN: Đăng ký doanh nghiệp
HĐTV: Hội đồng Thành viên	QTRR: Quản trị rủi ro
BMP: Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	PCCC: Phòng cháy chữa cháy
TNHH: Trách nhiệm hữu hạn	KSNB: Kiểm soát nội bộ
MTV: Một thành viên	NTP: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong
NBM: Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc	
BMLA: Bình Minh Long An	
DPC: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	





NHỰA BÌNH MINH®



Thông tin chung

VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT



NHỰA BÌNH MINH

Tên công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh:

**BINH MINH PLASTICS
JOINT-STOCK COMPANY**

Tên giao dịch:

BM PLASCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
số: 0301464823

Vốn điều lệ:
818.609.380.000 đồng

Địa chỉ :
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6,
TP. HCM
Điện thoại : (84-28) 39 690 973
Fax : (84-28) 39 606 814
Website :
www.binhminhplastic.com.vn
Mã cổ phiếu : BMP



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIẢI ĐOẠN 1977 - 1986: ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cầm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp ống nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông, .v.v...

1977

Ngày 16/11, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiểu Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

1986

Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án “Chương trình nước sạch nông thôn”, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

GIẢI ĐOẠN 1987 - 1996: ĐẦU TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.

1990

Đổi tên thành Xi nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.

Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

1994

Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam 400 mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

GIẢI ĐOẠN 1997 - 2006: ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Với chủ trương “Đổi mới và phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn hiện nay như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm, ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

1999



Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.

2000

Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

2002

Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.

Hoàn tất đầu tư kho bãi, mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².



2004

Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Binh Minh Plastics Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.

Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

2006

Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

GIẢI ĐOẠN 2007 ĐẾN NAY: HOÀN THIỆN NĂNG LỰC - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với Cổ đông, Khách hàng, Người lao động và Cộng đồng, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

2007



Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.

2008

Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.

29% CP

2009

Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.

Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630 mm.

2010

Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.

Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.



2011

Tham gia góp 26% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.

2012

Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.

Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Oracle E-Business Suite”.

2013

Chúng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tăng vốn điều lệ lên **454.784.800.000 đồng**.

2015



Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.

Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.

2016

Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.

Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống. Đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2016.

Đạt Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20 liên tiếp từ 1997 đến 2016.

2017

Khánh thành giai đoạn hai Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.

Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.



Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất (lần thứ 2).

Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.

Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.

Tham gia và đạt giải Vàng của Giải thưởng chất lượng Việt Nam.

Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000-2015.

Tăng vốn điều lệ lên **818.609.380.000 đồng**.

2018



Trở thành Công ty thành viên thuộc Tập đoàn SCG (Thailand) - một tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á.

Đạt Giải thưởng “World Class” của Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương GPEA.

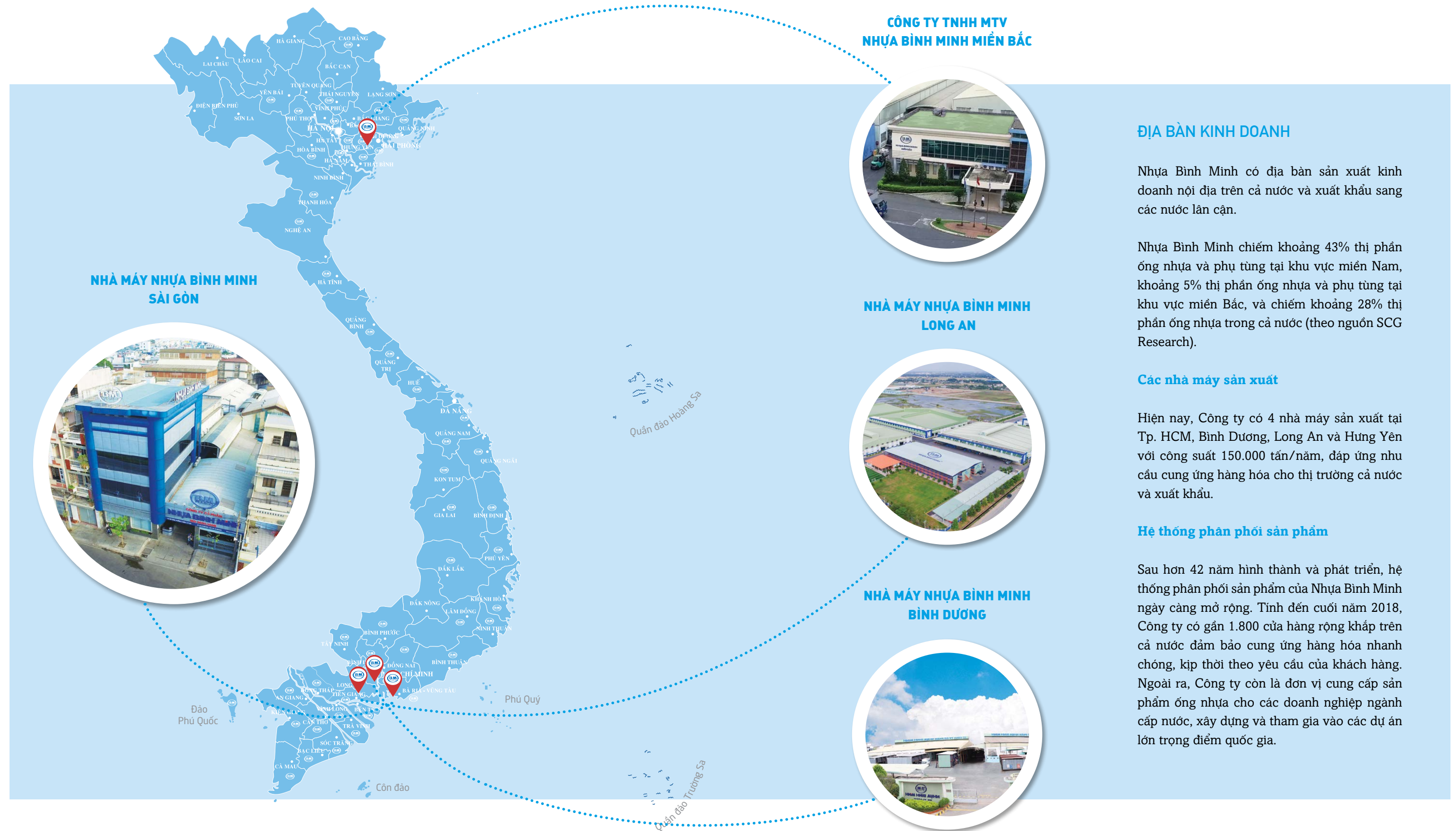
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng



2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TIẾP THEO)



2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TIẾP THEO)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U



Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20mm đến 630mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2017/BXD bao gồm:

- Ống và phụ tùng ống nhựa PVC -U hệ inch và hệ mét.
- Ống PVC-U hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa...

Ống và phụ tùng PVC-U được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các hệ thống như: Hệ thống cáp ngầm bư điện (cáp sợi quang, cáp đồng,...), Hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện,...).

Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE



Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16mm đến 1.200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE 100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, .v.v...

Ống và phụ tùng ống gân thành dôi HDPE đường kính từ 110mm đến 500mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TIẾP THEO)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R



Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20mm đến 160mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và trong công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.

Nhóm các sản phẩm khác



Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với Bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

Nhóm sản phẩm mới năm 2017

124 loại phụ tùng ống nhựa PP-R dùng cho hệ thống ống nước nóng lạnh do Nhựa Bình Minh

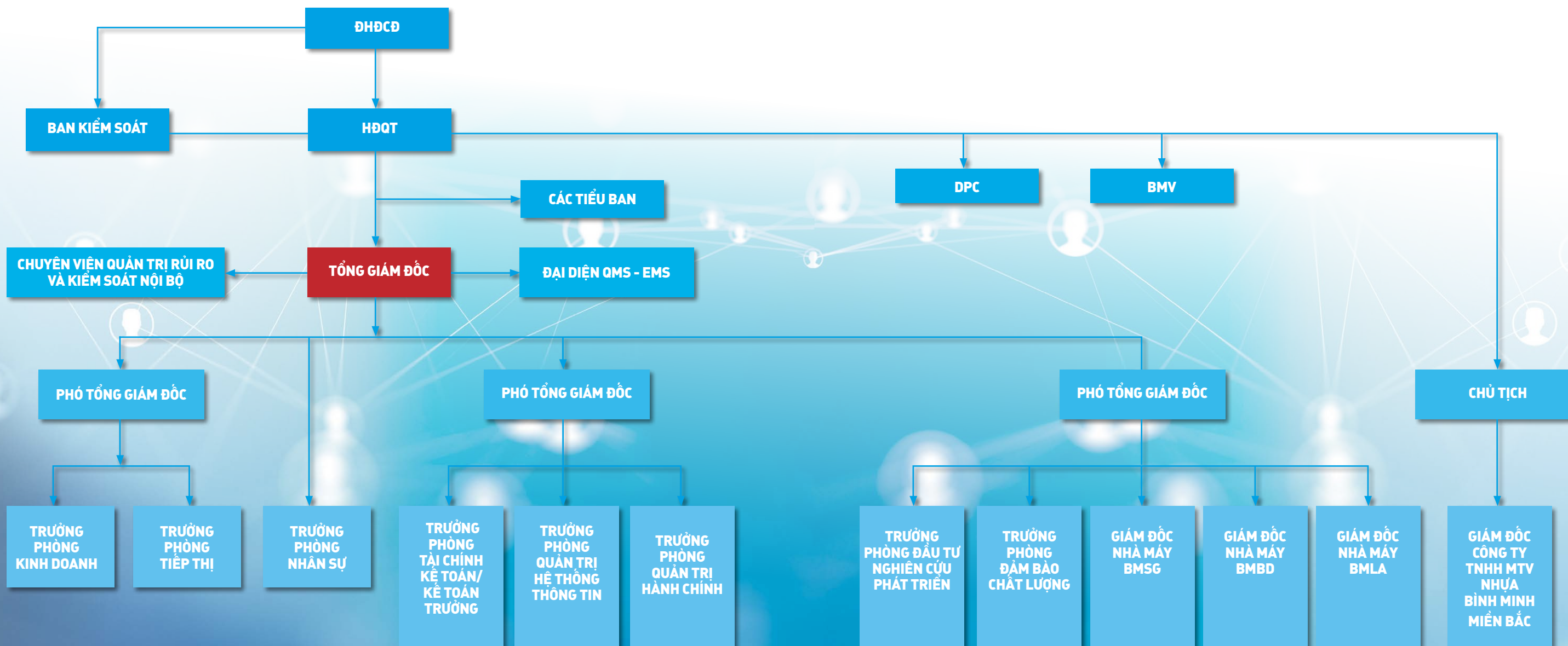
sản xuất thay thế cho phụ kiện PP-R đang nhập khẩu với giá thành cạnh tranh hơn.

Các loại phụ tùng PVC-U cải tiến mới, đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng trên thị trường, giúp thi công thuận tiện và có độ bền tốt hơn.

- Hộp đấu nối
- Bạc chuyển bạc
- Bít xả ren ngoài
- Bộ nối thông tắc
- Co ren trong nhựa dn 27x3/4.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ:



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

(TIẾP THEO)

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
(NBM)
CÔNG TY CON



VỐN ĐIỀU LỆ
155 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU
100%

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006 tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

 Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
BÌNH MINH VIỆT
CÔNG TY LIÊN KẾT



VỐN ĐIỀU LỆ
210 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU
26%

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%. Đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông khác về việc thực hiện chấm dứt dự án.

 Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

CÔNG TY CP
NHỰA ĐÀ NẴNG
(DPC)
CÔNG TY LIÊN KẾT



VỐN ĐIỀU LỆ
22,4 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU
29%

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần, trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Tây nguyên.

Hiện nay DPC là đối tác hợp tác kinh doanh phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh cho thị trường miền Trung và Tây nguyên.

DPC đang thực hiện việc tìm kiếm mặt bằng và chuẩn bị dự án đầu tư di dời Công ty theo quy hoạch và yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỪ 2019-2023:

- ▶ Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam, định hướng kết hợp với các công ty cùng trong tập đoàn để giữ vị trí đứng đầu về thị phần trong khu vực Asean. Xây dựng mục tiêu tăng trưởng bình quân không thấp hơn tăng trưởng chung của thị trường.
- ▶ Áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến như LEAN, 5S kết hợp với việc đầu tư và ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất để hình thành chuỗi cung ứng toàn diện trong hoạt động quản trị công ty.
- ▶ Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và ưu tiên những lợi ích cho Người lao động để công ty phải thuộc nhóm 50 chỗ làm việc tốt nhất VN.



5. CÁC RỦI RO



RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT VÀ TUÂN THỦ

Tuân thủ luật pháp là một phần trong văn hóa quản trị của Nhựa Bình Minh và được cụ thể trong từng quy định, thống nhất trong toàn Công ty. Hệ thống văn bản pháp luật, các quy định ngành, các hướng dẫn thực hiện của thuế thường xuyên thay đổi sẽ dẫn đến những rủi ro vi phạm nếu không am hiểu tường tận các quy định này.



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

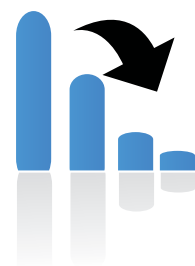
Trong bối cảnh thị trường vật liệu xây dựng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, Nhựa Bình Minh không những khó khăn để giữ vững mà còn phải đối mặt với rủi ro bị giành mất thị phần hiện có nếu chiến lược Công ty không đúng đắn và hiệu quả.

Áp lực tăng trưởng hàng năm có thể sẽ buộc Công ty phải bán được hàng bằng mọi giá, sẽ gây ra rủi ro làm rối loạn chính sách và mất kiểm soát hệ thống bán hàng.



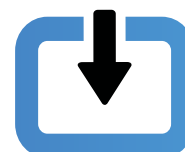
RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Do nguyên liệu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí theo yếu tố tại Nhựa Bình Minh nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào. Cho dù hiện nay Công ty sử dụng chủ yếu nguyên liệu từ nguồn cung cấp trong nước nhưng vẫn chịu ảnh hưởng “bắc cầu” do giá nguyên liệu đầu vào của các Nhà cung ứng vẫn phải nhập khẩu.



RỦI RO DO MÔI TRƯỜNG KINH TẾ

Hiện nay Việt Nam là một trong những nước có độ mở của nền kinh tế lớn nên mức độ liên thông với kinh tế thế giới cũng rất lớn. Vì vậy, khủng hoảng kinh tế, lạm phát... trên thế giới sẽ ảnh hưởng nhanh và trực tiếp đến kinh tế trong nước, đặc biệt là ngành vật liệu xây dựng



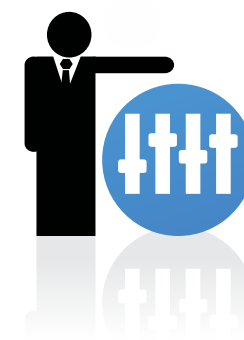
RỦI RO DO BIẾN ĐỘNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

Tỷ giá, giá bán, chi phí vận chuyển, nhân công, nguồn cung cấp nguyên vật liệu,... không ổn định, ảnh hưởng đến chi phí, lợi nhuận và kế hoạch sản xuất.



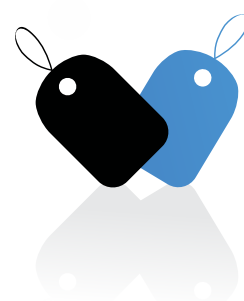
RỦI RO VỀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các đối thủ không ngần ngại giành giật khách hàng và thị phần của Nhựa Bình Minh với đủ các chiêu trò, từ chính sách chiết khấu đến cả nói xấu, tung tin đồn thất thiệt...



RỦI RO TỪ NHÀ CUNG ỨNG

Nguyên liệu cho ngành nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế. Công nghiệp hóa dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm của ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hóa dầu đã được triển khai.



RỦI RO TỪ NGUY CƠ HÀNG GIẢ, HÀNG NHÁI THƯƠNG HIỆU

Tính hiệu lực và răn đe của các cơ quan bảo vệ pháp luật trước nạn hàng giả hàng nhái thương hiệu BMP còn rất thấp, chưa bảo vệ được những nhà sản xuất chân chính (như trường hợp của BMP trong vài năm qua) dẫn đến tình trạng hàng giả hàng nhái nhãn hiệu BMP trên thị trường có nguy cơ rất cao, đe dọa nghiêm trọng không chỉ về doanh thu, lợi nhuận mà còn về niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm của BMP.



NHỰA BÌNH MINH®



TÌNH HÌNH
hoạt động
TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %	
				2018	2017	2018/KH	2018/2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.300	4.130	4.057	96	101,8
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	100.000	94.582	94.110	94,6	100,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	530	583	88,5	91,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	480	428	465	89,2	92

Trong năm 2018, sức mua của thị trường có mức tăng trưởng thấp, dẫn đến sản lượng tiêu thụ của BMP gần như không tăng. Một nguyên nhân ảnh hưởng đến vấn đề này là do trong cuối năm 2017, BMP đã thực hiện chương trình khuyến mãi lớn nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập công ty, nên đã cung ứng một sản lượng hàng hóa lớn cho thị trường, và điều này làm

ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của năm 2018. Giá các nguyên liệu trong năm 2018 đều tăng so với bình quân 2017, bột PVC tăng bình quân 2,65%; hạt PE tăng bình quân 15,8%

Các nguyên nhân trên tác động đến việc công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2018.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị



ÔNG NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.
Năm sinh: 1971
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến 2016: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.
- 2017 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP - Chủ tịch NBM.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: **618.550** cổ phần.

Quá trình công tác:

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên P. Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP.
- Năm 2006 -2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **21.600** cổ phần.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Năm sinh: 1968
Trình độ: Kỹ sư Hóa,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



ÔNG WISIT RECHAI PICHITGOOL

Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Hành chính
Năm sinh: 1961 – Quốc tịch: Thailand
Trình độ: Thạc sĩ Khoa học

Quá trình công tác:

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **11.709** cổ phần.

Quá trình công tác:

- 1988: Chuyên viên phân tích Công ty SCC.
- 1994: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất Công ty SFCC.
- 1996: Trưởng phòng Kinh doanh – Tiếp thị Công ty SFC.
- 1997: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TPC.
- 2001: Trưởng phòng bán hàng Công ty TPC.
- 2003: Trưởng phòng Kinh doanh ngành ống Công ty NPI.
- 2005: Trợ lý Giám đốc Công ty Ricken-Thai.
- 2006: Giám đốc Kinh doanh – Tiếp thị Công ty TPC.
- 2010: Giám đốc Thương mại Công ty TPC.
- 2011: Giám đốc xuất khẩu Công ty SCG.
- 2017: Trợ lý Chủ tịch Công ty SCG - Viet Nam.
- Từ tháng 08/2018: Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0** cổ phần

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



ÔNG HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1966
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐTV Nhựa Bình Minh.
- 2014 đến 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Thành viên HĐTV NBM.
- 2017 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Giám đốc DPC.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **03** cổ phần.

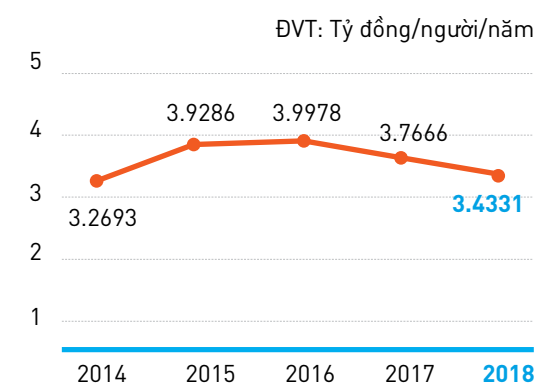


Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động bình quân (chính thức) năm 2017 là: 1.077 người.
 Lao động bình quân (chính thức) năm 2018 là: 1.203 người.

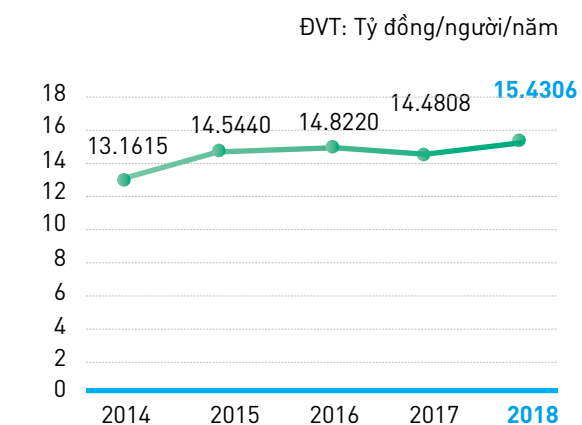
Năng suất lao động:

BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN



Lương của người lao động:

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NLD



Trong năm 2018, BMP đã khởi động dự án quản trị nhân sự (HRM) với mục tiêu chính là xây dựng lại nguyên tắc phân phối lương hiện đại hơn, giảm phụ thuộc vào ngạch bậc thâm niên, nhằm tạo động lực tốt hơn cho NLD nâng cao năng suất lao động theo nguyên tắc “trả lương theo vị trí công việc, năng lực cá nhân và hiệu quả công việc”. Dự án đang được triển khai tích cực, sẽ hoàn thiện và đi vào áp dụng trong năm 2019.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Căn cứ vào điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế, công ty chủ động cân đối hoạt động đầu tư trong năm. Năm 2018 đã hoàn tất các hạng mục đầu tư trị giá 109 tỷ đồng, chủ yếu tập trung bổ sung thiết bị phụ trợ, hiện đại hóa hạ tầng kho bãi chứa sản phẩm và xây dựng hệ thống cấp liệu trung tâm cho các Nhà máy. Một số hạng mục đầu tư đang thực hiện được chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư 2019.



CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM):

S TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH 2018	TỶ LỆ SO VỚI	
		2017	2018		TH 2017	TH 2018
1	Doanh thu (tỷ đồng)	369	373	350	101,1 %	106,5 %
2	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	8.675	8.449	7.800	97,4 %	108,3 %
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	56,6	43,7	42	77,2 %	104,0 %

Dù tất cả các chỉ tiêu Doanh số, sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận trước thuế của NBM đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, tuy nhiên thị phần của NBM tại miền Bắc vẫn chưa đáp ứng kỳ vọng, kể cả khi đã đưa ra dòng sản phẩm hoàn toàn phù hợp với thị trường dân dụng tại miền Bắc từ cuối năm 2017. Nguyên nhân là do tình hình cạnh tranh cao tại thị trường miền Bắc và sự giảm sút các dự án công trình năm 2018 so với 2017.

Năm 2018, NBM đang tập trung cải tiến nâng cao năng lực Quản lý – Điều hành, bổ sung chủng loại sản phẩm phù hợp với thị trường và tăng cường hoạt động kinh doanh thông qua việc tăng thêm nhân viên thị trường và xây dựng Hệ thống phân phối theo định hướng mở rộng thị phần bán lẻ.

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC):

S TT	CHỈ TIÊU	NĂM		TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2017 (%)
		2017	2018	
1	Doanh thu (tỷ đồng)	63,8	65,6	102,8%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5,0	2,7	53,6%

Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt (BMV):

Hiện công ty đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHCD năm 2017.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu	Tỷ đồng	4.057	4.130
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.825	3.920
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	923	872
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	260	264
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	663	608
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	(73,4)	(80,4)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	(6,9)	0,9
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	0,5	1,1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	583	530
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	465	428

Bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.872	2.812
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	819	819
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.449	2.454

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	16,1%	15,0%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	19,6%	17,4%

Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu

Số liệu chưa được điều chỉnh hồi tố cho 36.382.458 cổ phiếu thường phát hành trong năm 2017 và các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông qua các năm.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	5.109	5.224
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	VND	29.918	29.973
Cổ tức	VND	4.000	1.500(*)
Giá thị trường thời điểm cuối năm	VND	85.600	52.600

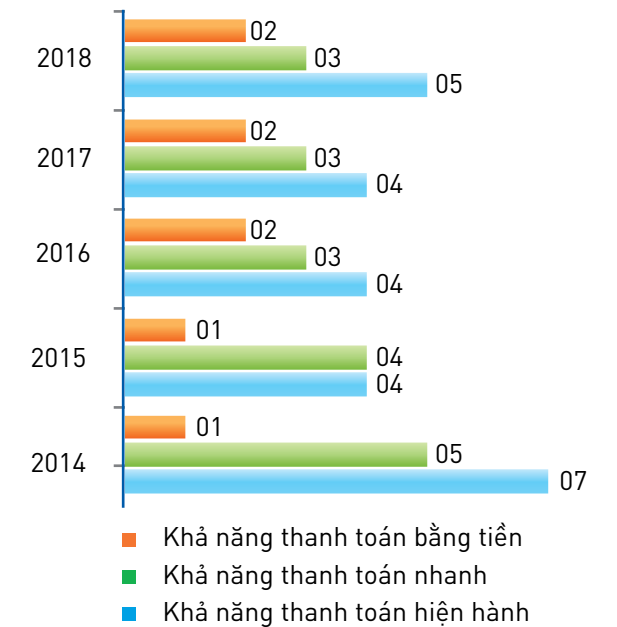
(*) Cổ tức đã tạm ứng trong năm 2018

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Khả năng thanh toán

Qua các năm, khả năng thanh toán của BMP luôn ở mức cao và tương đối ổn định trong các năm gần đây. Tại ngày cuối năm 2018, một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo đến 5,0 đồng tài sản ngắn hạn, đảm bảo cho việc thanh toán. Với lợi thế về khả năng thanh toán này, BMP đã tận dụng để mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp với giá ưu đãi, giảm chi phí đầu vào, cải thiện lợi nhuận hoạt động kinh doanh.

**KHẢ NĂNG THANH TOÁN BMP
2014 - 2018**



Năng lực hoạt động

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2017	2018
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	39	37
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,8	6,4
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	19	18
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,3	1,4
Vòng quay tài sản cố định	Lần	4,9	4,3

Với việc áp dụng chính sách hợp lý thu hút dòng tiền từ khách hàng nhằm giảm rủi ro nợ xấu, đã làm cho kỳ thu tiền bình quân thời điểm cuối năm 2018 còn 37 ngày, giảm so với các năm trước.

Kỳ trả tiền bình quân được giữ tương đối ổn định qua các năm. Nguyên nhân do năng lực tài chính luôn đáp ứng nhu cầu thanh toán, nhằm tận dụng những lợi thế để mua được nguyên vật liệu đầu vào với giá tốt, tiết kiệm chi phí.

Vòng quay hàng tồn kho không có biến động lớn và được duy trì ổn định qua các năm.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	MÔ TẢ	2017	2018
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần (1)	Tỷ suất lợi nhuận ròng biên	12,1%	10,9%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (2)	Hiệu suất sử dụng tài sản	1,33	1,38
Tổng tài sản bình quân/Vốn chủ bình quân (3)	Hệ số đòn bẩy tài chính	1,21	1,16
ROA = (1)*(2)	Khả năng sinh lời trên tổng tài sản	16,1%	15,0%
ROE = ROA* (3)	Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu	19,6%	17,4%



Năm 2018, doanh thu tăng trưởng 1,8% so với năm 2017 nhưng chỉ đạt 96,05% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế bằng 90,90% so với năm 2017 và chỉ đạt 88,32% kế hoạch, nhưng những gì BMP đã nỗ lực là không thể phủ nhận và rất đáng trân trọng.

Với sự gia nhập của nhiều đối thủ cạnh tranh ở cả thị trường phía Nam và phía Bắc cùng với chiến lược “chiết khấu khủng” nên thị trường ống nhựa cạnh tranh rất khốc liệt và lợi nhuận ngành giảm là một điều tất yếu. Tuy nhiên, rõ ràng so với ngành, BMP vẫn không mất đi vị thế là doanh nghiệp hàng đầu và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Và trên hết, BMP vẫn sẽ luôn nỗ lực hết mình, không ngừng cải tiến, ứng dụng những quy trình quản lý hiện đại vào quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, tối đa hóa giá trị của mình.

Tình hình tài sản và Tình hình nợ phải trả:

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.872	2.812
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.815	1.807
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	1.057	1.006
Nợ phải trả	Tỷ đồng	423	359
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	423	359
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0	0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.449	2.454

Cấu trúc tài sản ngắn hạn, dài hạn:

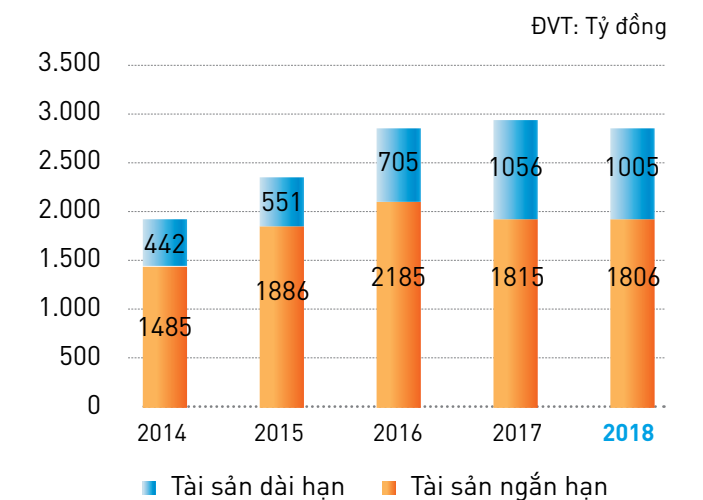
Trong cơ cấu, năm 2018 tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 64%, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 26% trong tổng tài sản, tương đương với năm 2017.

Cấu trúc nguồn vốn

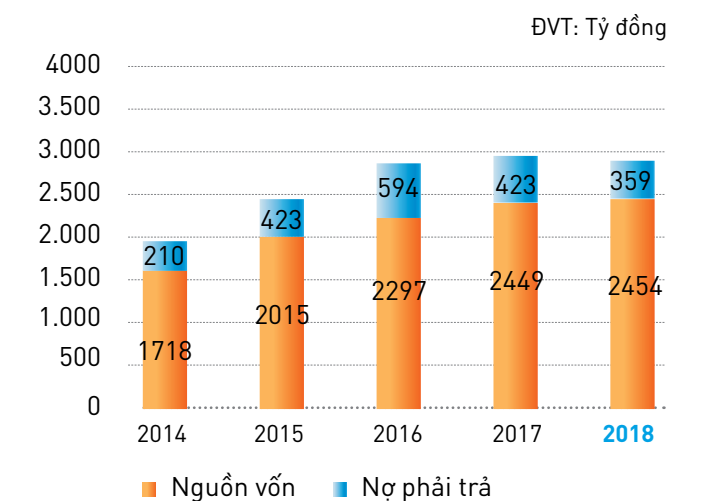
Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Gần như toàn bộ tài sản được tài trợ hoàn toàn bằng vốn chủ, nợ phải trả chỉ chiếm tỷ trọng thấp. Điều này giúp doanh nghiệp tự chủ được hoạt động của mình, chưa cần đến nguồn tài trợ bên ngoài, thể hiện cơ cấu tài chính bền vững, lành mạnh của BMP.



CẤU TRÚC TÀI SẢN



CẤU TRÚC NGUỒN VỐN



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần

	Tại 31/12/2017	Tại 31/12/2018
Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.848.968	81.848.960
Số số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	11.970	11.970

b. Cơ cấu cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 31/12/2017		THỜI ĐIỂM 31/12/2018	
	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	24.159.906	29,513%	19.983	0,024%
Hội đồng Quản trị	2.137.836	2,612%	618.550	0,756%
Ban Kiểm soát	242.091	0,296%	14.040	0,017%
Cá nhân trong nước	17.264.931	21,091%	15.534.784	18,977%
Tổ chức trong nước	3.252.688	3,973%	2.722.535	3,326%
Cá nhân nước ngoài	505.865	0,618%	510.031	0,623%
Tổ chức nước ngoài	34.297.621	41,897%	62,441,015	76,277%
TỔNG CỘNG	81.860.938	100,00%	81,860,938	100,00%

Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

STT	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	Tổ chức Nước ngoài	6.617.012	8,08%
2	THE NAWAPLASTIC INDUSTRIES (SARABURI) CO., LTD.	Tổ chức Nước ngoài	44.525.911	54,39%
	TỔNG CỘNG		51.142.923	62,47%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Năm 2018, tổng lượng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 99.560 tấn. Trong đó, BMP sử dụng: 95.859 tấn và NBM là 3.701 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm và một phần rất nhỏ phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài. Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Đặc biệt, trong năm 2018, toàn bộ sản phẩm Nhựa Bình Minh đã tiên phong sử dụng hoàn toàn hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an sức khỏe toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường. Tổ chức WRASS (Anh Quốc) đã cấp chứng nhận: **Sản phẩm ống Nhựa Bình Minh được sản xuất từ nguyên vật liệu phù hợp cho dẫn nước uống và nước sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế.**

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng. Nguồn điện này được mua từ các Công ty Điện lực Quốc Gia.

Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

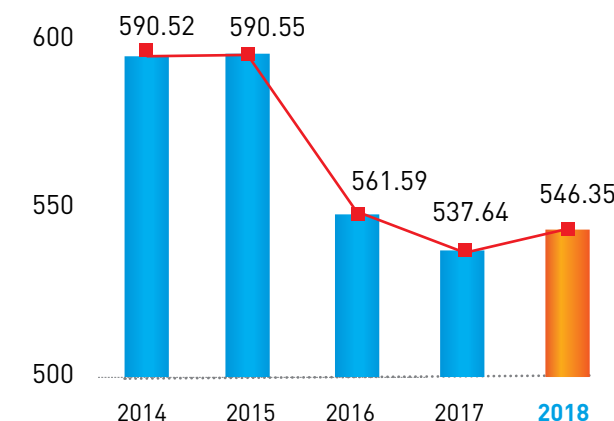
Một trong những quan tâm hàng đầu của Nhựa Bình Minh trong chính sách phát triển bền vững chính là tiết kiệm năng lượng. Mối quan tâm này được lãnh đạo công ty xây dựng thành mục tiêu môi trường và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua và đã mang lại nhiều hiệu quả.

Theo đó, Nhựa Bình Minh đã tiến hành thực hiện các hoạt động:

- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CBCNV.
- Kiểm toán năng lượng.
- Đánh giá lại hiện trạng và lập các kế hoạch thực hiện nhằm giảm suất tiêu hao điện năng.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp để tiết kiệm điện như: Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất.

- Ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.
- Kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn trong quá trình sản xuất.
- Quá trình thực hiện được ghi nhận xem xét phân tích và đánh giá so sánh theo định kỳ, kết quả thực hiện được trong 5 năm (2013-2018) như sau:

SUẤT ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ QUA CÁC NĂM (KWH/Tấn sản phẩm)



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)



Suất điện năng tiêu thụ qua các năm có xu hướng giảm qua các năm từ 2015-2017.

Năm 2018, công ty đã tiếp tục tiến hành quy hoạch di dời sắp xếp lại toàn bộ thiết bị sản xuất giữa các Nhà máy, đặc biệt, mở rộng sản lượng sản xuất ống nhựa tại Nhà máy Bình Minh Long An. Các hoạt động này đã phát sinh nhiều sản phẩm sản xuất sau lắp đặt nên đã tiêu thụ thêm một lượng điện đáng kể, suất điện năng tiêu thụ tính trên sản phẩm thành phẩm có tăng hơn so với những năm trước. Tuy nhiên,

nhờ Công ty thực thi có hiệu quả các hoạt động tiết giảm năng lượng nên suất điện năng tiêu thụ chỉ tăng khoảng 1,6% so với 2017.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Năm 2018, các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất, Kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn... đã tiếp tục thực hiện và đã đem lại hiệu quả tiết kiệm cao.

TIÊU THỤ NƯỚC:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Từ nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước địa phương như: Sawaco, Biwase, ...

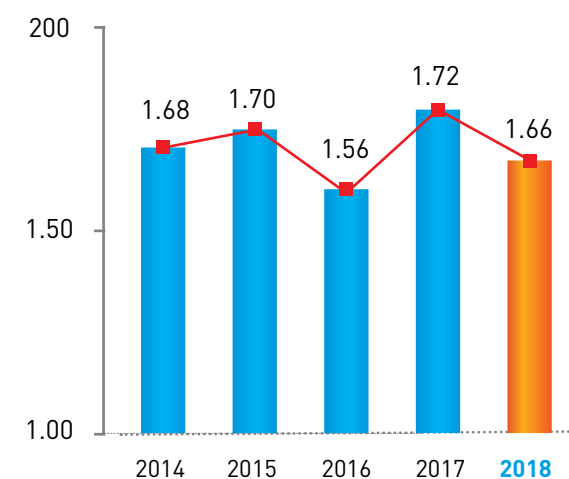
Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh sớm triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm và đã mang lại hiệu quả được ghi nhận như sau:

Sản lượng sản xuất năm 2018 tăng khoảng hơn 6,1% nhưng lượng nước tiêu thụ năm 2018 chỉ tăng khoảng 2,3% so với cùng kỳ năm 2017.

So với 2017, Tỷ suất nước tiêu thụ năm 2018 đã:

- Tiết giảm được khoảng 3,6%
- Tương đương lượng nước tiết kiệm được: 6.040 M³.

SUẤT TIÊU THỤ NƯỚC QUA CÁC NĂM (M³/Tấn sản phẩm)



TIẾT KIỆM ĐƯỢC KHOẢNG 72.500.000 ĐỒNG

(ĐƠN GIÁ NƯỚC BÌNH QUÂN 2018: 11.997 ĐỒNG/ M³).



b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nguồn nước được công ty sử dụng cho các mục đích:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt này được xử lý đáp ứng theo quy định của pháp luật.
- Nước dùng cho sản xuất: Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nước sử dụng tại công ty. Tuy nhiên, toàn bộ lượng nước này đều được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty rất quan tâm các hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm 2018, Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

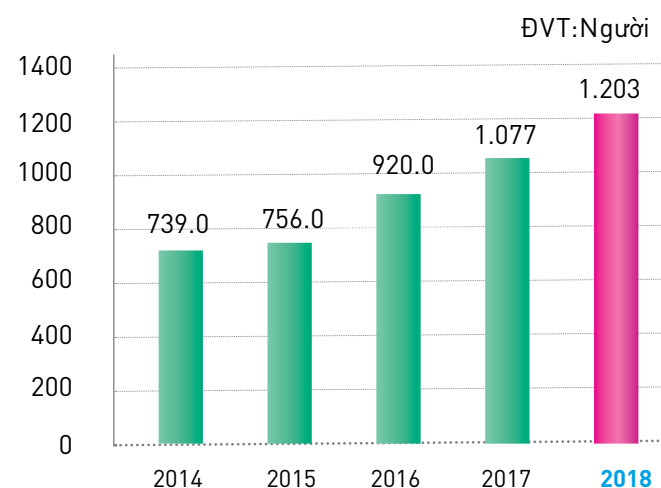


CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Trong năm 2018, lượng lao động chính thức bình quân của BMP tăng thêm 126 người.

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ TỪ 2017-2018



b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công tác bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện môi trường làm việc và chăm lo sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Hằng năm Công ty đều thực hiện đo đạc đánh giá tác động môi trường nơi làm việc và tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể người lao động từ tổng quát đến chuyên khoa để kịp thời phát hiện những nguy cơ tiềm ẩn về bệnh tật có biện pháp chữa trị.

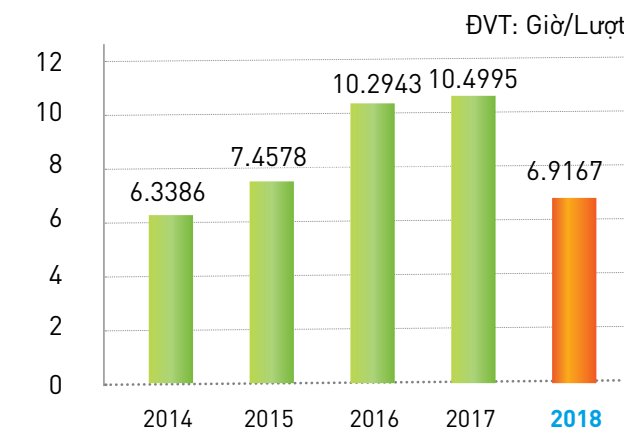
Công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp, an toàn vệ sinh thực phẩm cũng được chú trọng quan tâm đúng mức. Trong nhiều năm qua Công ty không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc cháy nổ hay ngộ độc thực phẩm

Ngoài việc tuân thủ theo quy định của luật về chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho 100% NLD Công ty còn thực hiện việc mua bảo hiểm tai nạn rủi ro, bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm hưu trí tự nguyện để tăng thêm phúc lợi cho NLD. Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát, tham gia hội thao hằng năm của Công ty hay hỗ trợ NLD trong việc giải quyết khó khăn trong đời sống như sửa chữa nhà cửa, mua sắm phương tiện di chuyển...

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Xác định con người là vốn quý của doanh nghiệp, Công ty đã có quy chế đào tạo bồi dưỡng cho NLD. NLD được khuyến khích học tập các lĩnh vực liên quan đến công việc của mình, như nâng cao trình độ chuyên môn, vi tính, ngoại ngữ và được Công ty trả chi phí theo kế hoạch đào tạo. Bên cạnh việc đào tạo trong nước, NLD cũng được Công ty cho tham gia các khóa đào tạo tại nước ngoài để có cơ hội phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH TỪ 2013 - 2017



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.



Duy trì truyền thống về các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương nói chung và từng hoàn cảnh cá nhân khó khăn cần sự giúp đỡ mà Công ty biết được, trong năm 2018, cả Công ty và Người lao động đã chung tay có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng. Tổng giá trị đóng góp lên đến 1.261.600.000 đồng, cụ thể theo các nhóm hoạt động như sau:

CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG:	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Chăm lo thể hệ trẻ	689.920.000
Chia sẻ khó khăn với cộng đồng	315.080.000
Đền ơn đáp nghĩa	31.600.000
Khác	225.000.000
TỔNG CỘNG:	1.261.600.000

Ngoài những hoạt động vì cộng đồng có thể quy ra giá trị tiền ở trên, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động giao lưu với cộng đồng địa phương nơi Công ty có Nhà máy trú đóng như : Giao lưu văn nghệ, thể thao; Phối hợp công tác gìn giữ an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường... Phong trào hiến máu nhân đạo cứu người tiếp tục được duy trì trong suốt 15 năm qua. Trong năm 2018, đã vận động được 189 lượt người tình nguyện hiến máu.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: Không có





NHỰA BÌNH MINH®



Báo cáo và đánh giá CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.
5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



- Năm 2018, Công ty đã đạt doanh thu hợp nhất 4.130 tỷ đồng, tuy có tăng 1,8% so với năm 2017 song vẫn chưa đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra. Nhu cầu thị trường thấp hơn dự kiến và tình trạng dư cung đã dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 của hầu hết các doanh nghiệp trong ngành không đạt dự kiến tăng trưởng, thậm chí nhiều doanh nghiệp giảm sâu so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 530 tỷ đồng, chỉ bằng 91% so với cùng kỳ, lý do chủ yếu do giá nguyên liệu tăng so với bình quân cùng kỳ và không đạt được mục tiêu doanh thu. Bên cạnh đó, năm 2018 Công ty vẫn thực hiện các Hội nghị khách hàng định kỳ nhằm tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng trong bối cảnh các đối thủ đang ráo riết “lôi kéo” hệ thống phân phối của công ty thông qua chính sách chiết khấu cao.

- Mặc dù không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch tuy nhiên theo số liệu so sánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 với các đối thủ cùng ngành, công ty vẫn đạt kết quả và hiệu quả cao hơn hẳn. Ban điều hành đánh giá Công ty vẫn duy trì được vị thế dẫn đầu và uy tín vững chắc trên thị trường.

Những tiến bộ và hạn chế của Công ty:

- Công ty thực hiện việc xây dựng, ban hành Quy chế mới nhằm cấu trúc lại Hệ thống phân phối (HTPP) để tăng cường năng lực cạnh tranh với đối thủ và hạn chế cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ HTPP của công ty. Thực hiện rà soát, xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty trong dài hạn nhằm hướng đến phát triển bền vững. Hoạt động kinh doanh cũng đã thật sự cần thiết và cấp bách phải chuyển sang một phương thức kinh doanh chủ động hơn để nâng cao khả năng hoàn thành mục tiêu kinh doanh hàng năm và dài hạn.

- Môi trường kinh doanh đang trở nên hết sức thách thức khi khả năng cung ứng đang vượt rất cao so với nhu cầu thị trường do sự đầu tư ồ ạt vào sản xuất trong những năm gần đây gây ra tình trạng mất cân đối cung cầu nghiêm trọng. Đó cũng là nguyên nhân chính các doanh nghiệp đang tiếp tục tranh giành thị phần bằng giảm giá hoặc chiết khấu “khủng” gây xáo trộn lớn trong thị trường và làm giảm hiệu quả kinh doanh chung của các doanh nghiệp trong ngành.
- Trong năm 2018, Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tự động hóa thiết bị, tự động hóa qui trình, đa dạng hóa sản phẩm, ổn định chất lượng và tổ chức nhiều hoạt động cải tiến hiện trường để đáp ứng đầy đủ nhu cầu hàng hóa cho thị trường, cắt giảm chi phí và hiện thực hóa các mục tiêu của Công ty.
- Công ty tiếp tục khẳng định vị trí là công ty đầu ngành sản xuất ống và phụ tùng nhựa các loại và đặc biệt là Công ty duy nhất hiện nay sản

xuất toàn bộ sản phẩm ống và phụ tùng PVC-U không chứa thành phần kim loại nặng, thân thiện với môi trường và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

- Tuy nhiên với chiến lược sản phẩm chất lượng cao, định giá bán cao cũng đang là thách thức lớn của công ty khi các đối thủ đang lấy chính sách giá thấp hoặc chiết khấu cao làm vũ khí chính trong quá trình cạnh tranh trên thị trường.
- Việc áp dụng thành công và vận hành ổn định Hệ thống Quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP giúp công ty có thông tin nhanh chóng, đồng nhất, minh bạch, kiểm soát số liệu chính xác và hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng, linh hoạt. Công ty cần tiếp tục mở rộng phạm vi của hệ thống ERP, bổ sung kho dữ liệu thống kê và tăng cường năng lực khai thác, phân tích dữ liệu để hỗ trợ xây dựng các kịch bản kinh doanh, tài chính phù hợp với điều kiện và môi trường kinh doanh thay đổi rất nhanh hiện nay.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)



- Công ty tiếp tục tăng cường công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì định kỳ hệ thống máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại các đơn vị sản xuất, trong đó chú trọng kiểm soát chất lượng, cải tiến quy trình, định mức sản xuất, kiểm soát chi phí và đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh lao động. Tiếp tục bố trí lại hợp lý máy móc thiết bị giữa các Nhà máy nhằm hợp lý hoạt động hậu cần thương mại (logistic), cắt giảm chi phí vận chuyển nội bộ. Tổ chức thực hiện 5S, sắp xếp hiện trường làm việc khoa học, gọn gàng, thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất và hậu cần thương mại.
- Căn cứ vào điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế, công ty chủ động cân đối hoạt động đầu tư trong năm. Năm 2018 đã hoàn tất các hạng mục đầu tư trị giá 109 tỷ đồng, chủ yếu tập trung bổ sung thiết bị phụ trợ, hiện đại hóa hạ tầng kho bãi chứa sản phẩm và xây dựng hệ thống cấp liệu trung tâm cho các Nhà máy. Một số hạng mục đầu tư đang thực hiện được chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư 2019.
- Cấu trúc lại Mô hình tổ chức công ty theo cơ sở bổ sung và hợp lý hóa các bộ phận chức năng phù hợp với qui mô và nhu cầu phát triển trong dài hạn của công ty.

- Dự án HRM đang triển khai nhằm cấu trúc lại toàn bộ hệ thống tiền lương theo nguyên tắc trả lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ theo đúng vị trí công việc, năng lực cá nhân và hiệu quả công việc (KPI) để điều chỉnh những điều chưa hợp lý trong cơ cấu và chính sách tiền lương trước đây.
- Công ty vẫn duy trì và đảm bảo được nguồn nhân lực trong điều kiện tuyển dụng khó khăn, thực hiện đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của đội ngũ lao động hiện có để đảm bảo sản xuất. Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật với mức bình quân tương đối tốt so với thị trường. Những đãi ngộ toàn diện về tinh thần và vật chất giúp cho Người lao động trong công ty yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.
- Tuy nhiên với việc triển khai cấu trúc lại tổ chức chưa hoàn tất ảnh hưởng không nhỏ đến việc kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý đang khá mỏng hiện nay. Bên cạnh đó việc xây dựng hệ thống tiền lương theo chuẩn mực và phương thức tiên tiến mang tính thị trường cao cũng đang bị chậm nên việc năm 2018 chưa bổ sung đủ nguồn nhân lực cần thiết cho hoạt động hiện tại và nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Một trong những thách thức không nhỏ của đội ngũ quản trị, điều hành là trong điều kiện cạnh tranh gay gắt và nhu cầu mở rộng sản xuất vẫn phải bảo đảm được thu nhập cho Người lao động để lương, thưởng bình quân đạt mức bình quân tiên tiến so với thị trường.



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tính đến 31/12/2018, tổng tài sản BMP đạt 2.812 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2017. Cơ cấu nguồn vốn của BMP với vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng cao qua các năm, là nền tảng cho chiến lược phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Đã thể hiện trong phần báo cáo của TGD.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đã thể hiện trong phần báo cáo định hướng của HĐQT.



5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.





6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Trong năm 2018, mặc dù sản lượng và doanh thu của BMP tăng ít, tuy nhiên Công ty vẫn tăng cường ký hợp đồng lao động chính thức, ổn định với người lao động, Bên cạnh đó, số liệu về thu nhập bình quân của Người lao động trong năm 2018 vẫn có mức tăng đáng kể. Thực tế này cho thấy, Công ty có những cố gắng để thu hút và đảm bảo lực lượng lao động gắn bó ổn định với Công ty. Trong tình hình khó khăn của năm 2018, điều này thể hiện rõ nét chiến lược gia tăng năng lực cạnh tranh thu hút nguồn lao động có chất lượng của BMP để chuẩn bị cho giai đoạn sắp tới.

Cũng trong chiến lược cạnh tranh thu hút nguồn nhân lực chất lượng, các giải pháp về chế độ phúc lợi cho người lao động như chăm sóc y tế, bồi dưỡng sức khỏe, cải thiện môi trường làm việc ... được Công ty duy trì và đẩy mạnh.

Mặc dù vẫn đang khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, bài toán đặt ra với BMP hiện nay là năng suất lao động bình quân của BMP đang tạm thời giảm so với năm 2017. Trong các năm tới, Công ty cần tiếp tục nâng cao năng suất lao động để tạo cơ hội tăng thêm thu nhập cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Về mức độ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng của BMP vẫn được Lãnh đạo và Người lao động trong Công ty quan tâm sâu sắc. BMP cũng đang tính toán từng bước thay đổi chiến lược thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng mang tính chủ động hơn, bền vững hơn với những kế hoạch hành động cụ thể và dài hạn.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty tiếp tục áp dụng và duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, được Quacert đánh giá giám sát định kỳ và duy trì chứng nhận.

Với hệ thống quản lý này, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại nhiều hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Theo đó:

- Kiểm soát điện năng tiêu thụ: Công ty đã thực hiện các hoạt động kiểm toán năng lượng theo quy định pháp luật nhằm sử dụng có hiệu quả lượng điện năng tiêu thụ. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện để tiết giảm lượng điện tiêu thụ.

- Kiểm soát lượng nước tiêu thụ: Với ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường, công ty đã ngừng hoàn toàn và không sử dụng nguồn nước ngầm trong nhiều năm qua. Toàn bộ lượng nước trong quá trình sản xuất được công ty tái sử dụng hoàn toàn. Ngoài ra, công ty cũng đã triển khai áp dụng các giải pháp tiết kiệm lượng nước sử dụng và cũng có hiệu quả ban đầu.
- Đối với các chất thải, khí thải,...: Công ty thực hiện các hoạt động kiểm soát và xử lý các phát thải như các Báo cáo đánh giá tác động môi trường đăng ký tại chính quyền sở tại. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu môi trường có liên quan được thực hiện do kiểm bởi các đơn vị độc lập theo định kỳ nhằm đảm bảo rằng các phát thải tại công ty được kiểm soát và đáp ứng với các yêu cầu pháp luật hiện tại.





NHỰA BÌNH MINH®



Đánh giá

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ

hoạt động

CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập.
4. Đánh giá của HĐQT về Ban điều hành.
5. Định hướng của HĐQT về tầm nhìn và chiến lược phát triển.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Cơ cấu sở hữu:

Thay đổi lớn nhất trong năm 2018 là việc Tổng công ty kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước (SCIC) đã bán phần vốn nhà nước tại công ty cho nhà đầu tư nước ngoài Nawa Plastic Industrial Ltd. (NPI). Từ sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2018, NPI tiếp tục mua thêm cổ phần và đến hiện nay nắm giữ 54,39% vốn công ty, trở thành cổ đông kiểm soát và công ty trở thành công ty thành viên của NPI.

Hoạt động công ty:

- Năm 2018, Công ty đã đạt doanh thu hợp nhất 4.130 tỷ đồng, tuy có tăng 1,8% so với năm 2017 song vẫn chưa đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra. Nhu cầu thị trường thấp hơn dự kiến và tình trạng dư cung đã dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 của hầu hết các doanh nghiệp trong ngành không đạt dự kiến tăng trưởng, thậm chí nhiều doanh nghiệp giảm sâu so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 530 tỷ đồng, chỉ bằng 91% so với cùng kỳ, lý do chủ yếu do giá nguyên liệu tăng so với bình quân cùng kỳ và không đạt được mục tiêu doanh thu. Bên cạnh đó, năm 2018 công ty vẫn thực hiện các Hội nghị khách hàng định kỳ nhằm tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng trong bối cảnh các đối thủ đang ráo riết “lôi kéo” hệ thống phân phối của công ty thông qua chính sách chiết khấu cao.
- Mặc dù không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch tuy nhiên theo số liệu so sánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 với các đối thủ cùng ngành, công ty vẫn đạt kết quả và hiệu quả cao hơn hẳn. HĐQT đánh giá Công ty vẫn duy trì được vị thế dẫn đầu và uy tín vững chắc trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT



- HĐQT cũng có thay đổi lớn khi có 03/05 Thành viên HĐQT là đại diện của cổ đông lớn NPI và 01 Thành viên HĐQT độc lập từ bên ngoài. Tham gia HĐQT của công ty hiện nay có 02 Thành viên HĐQT kiêm điều hành là Tổng giám đốc và Phó TGD Tài chính (nhân sự NPI giới thiệu và HĐQT bổ nhiệm tham gia vào BDH).
- Do HĐQT Nhiệm kỳ 2018-2023 có đến 04/05 Thành viên lần đầu tiên tham gia HĐQT của công ty, trong đó có 03 thành viên là người nước ngoài và 01 Thành viên độc lập từ bên ngoài nên HĐQT cũng cần nhiều thời gian để các thành viên của HĐQT mới tiếp cận, nắm bắt tình hình Công ty, đặc biệt là các qui định đang có hiệu lực để từ đó có sự thấu hiểu, đồng thuận trong mọi quyết định chung.
- HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, giám sát BDH thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như chia cổ tức, tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư. . .
- HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.
- Do điều kiện các Thành viên ở nước ngoài và bên ngoài, đồng thời đều là các Quản trị viên cấp cao ở nhiều công ty nên việc bố trí thời gian hội họp, trao đổi thông tin cũng có hạn chế. Một vài công việc tiếp tục phải đẩy nhanh hơn tiến độ để không ảnh hưởng đến những hoạt động chung của công ty.
- HĐQT trong năm vừa qua đã chú trọng chỉ đạo việc xây dựng Chiến lược phát triển 2019 – 2023 của công ty, đồng thời triển khai nhiều hoạt động hợp tác giữa NPI và BMP để hỗ trợ các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý và hợp tác phát triển.
- Các Tiểu ban được thành lập ngay sau cuộc họp ĐHĐCD 2018 và phân công các Thành viên HĐQT phụ trách để giúp việc cho HĐQT. HĐQT đã duy trì hoạt động các Tiểu ban nhưng do điều kiện làm việc của các Trưởng tiểu ban nên các Tiểu ban chưa thật sự hoạt động có hiệu quả cao. Tiểu ban quan hệ Nhà đầu tư duy trì định kỳ các buổi tiếp xúc hàng quý với các cổ đông, nhà đầu tư để thông tin và tiếp nhận những ý kiến của cổ đông một cách kịp thời.
- Về tổ chức, sau cuộc họp ĐHĐCD thường niên 2018, HĐQT đã thực hiện việc phân công cụ thể cho các Thành viên HĐQT. Trong năm 2018 đã bổ nhiệm thay thế Người phụ trách quản trị công ty mới kiêm Thư ký để giúp việc cho HĐQT trong khâu tổ chức công việc và trao đổi thông tin.
- HĐQT vẫn có sự nhất quán với định hướng phát triển chung của Công ty, lấy chất lượng làm yếu tố trung tâm, giữ vững ngôi vị hàng đầu của Công ty trong ngành. Bên cạnh đó HĐQT xác định phải chú trọng đến việc nâng cao sự hài lòng, an toàn của Người lao động, từng bước xây dựng chính sách, mục tiêu để tạo một môi trường làm việc tốt hơn trong công ty.
- Một số vấn đề HĐQT đang tiếp tục xem xét liên quan chiến lược và hoạt động của các công ty thành viên và liên kết.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

3. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Mặc dù HĐQT mới bắt đầu cùng làm việc với nhau năm đầu tiên trong nhiệm kỳ nhưng các Thành viên đều có trách nhiệm với công ty. Các Thành viên đều tích cực tìm hiểu, tranh luận, phản biện về các hoạt động, các giải pháp đề xuất của Tổng Giám đốc để giúp cho công ty phát triển.
- BDH và toàn thể Người lao động đều có trách nhiệm và thể hiện nỗ lực cao độ để thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2018 và các yêu cầu của ĐHĐCD và HĐQT đưa ra trong năm.
- Vai trò thành viên độc lập được tôn trọng và được phân công phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng để có tiếng nói độc lập trong các hoạt động của HĐQT cũng như góp ý trong các vấn đề liên quan đến lãnh vực này của công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập cũng đặc biệt lưu ý trong điều kiện công ty đang hoạt động có hiệu quả cần xây dựng chính sách lương, thưởng, đãi ngộ phù hợp với qui mô công ty, mức thu nhập của thị trường để duy trì và bổ sung đội ngũ Người lao động có năng lực vì mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững của công ty.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BDH

- Đội ngũ BDH đã tạo được mối quan hệ đoàn kết tốt trong toàn thể Người lao động, phát huy được khả năng chuyên môn của mỗi cá nhân và duy trì được tinh thần làm việc tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- BDH cùng các tổ chức đoàn thể đã ổn định tư tưởng đội ngũ Cán bộ quản lý và Người lao động trong điều kiện mới khi chuyển đổi cổ đông lớn. BDH cũng tạo điều kiện thuận lợi để các nhân sự mới từ NPI tham gia vào hoạt động điều hành công ty.
- BDH đã rất linh hoạt, theo sát, nắm vững diễn biến của tình hình thị trường để kịp thời có những chính sách, giải pháp phù hợp đối phó với những thay đổi của môi trường kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Tích cực triển khai các dự án lớn, có tầm ảnh hưởng dài hạn đến việc nâng cao năng lực quản trị như Tái cấu trúc Hệ thống phân phối, Nhân sự và tiền lương (HRM), Quản lý quan hệ khách hàng (CRM), Cải tiến năng suất và logistic (LOIT), Tối ưu hóa



quản lý hiện trường (LEAN-5S), Giao dịch đặt hàng trực tuyến (E-ordering) và nâng cao năng lực của hệ thống ERP.

- BDH đã rất nỗ lực trong điều kiện vừa phải đảm bảo hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh vừa phải triển khai khối lượng công việc lớn liên quan đến việc hợp nhất hệ thống báo cáo, từng bước áp dụng hài hòa, phù hợp với các nguyên tắc và mô hình quản trị của NPI và SCG.
- Cần tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện hoạt động tái cấu trúc tổ chức, bổ nhiệm nhân sự quản lý, xác lập hệ thống vị trí công việc, mô tả công việc, tiêu chuẩn năng lực và thực hiện việc phân quyền, ủy quyền hợp lý, triệt để.

5. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT VỀ TẦM NHÌN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam, định hướng kết hợp với các công ty cùng trong tập đoàn để giữ vị trí đứng đầu về thị phần trong khu vực Asean. Xây dựng mục tiêu tăng trưởng bình quân không thấp hơn tăng trưởng chung của thị trường.
- Áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến như LEAN, 5S kết hợp với việc đầu tư và ứng

dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất để hình thành chuỗi cung ứng toàn diện trong hoạt động quản trị công ty.

- Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và ưu tiên những lợi ích cho Người lao động để công ty phải thuộc nhóm 50 chỗ làm việc tốt nhất VN.



NHỰA BÌNH MINH®



Quản trị

CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban Kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2013-2018) trước ngày 20/04/2018 bao gồm 5 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CÁ NHÂN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỐ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
01	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	1.062.252	1,298%
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%
03	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	457.034	0,558%
04	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	0	0
05	Ông Apichai Chareonsuk	Thành viên	0	0



Trong đó, có 4 thành viên đã mãn nhiệm từ ngày 20/04/2018 gồm:



Quá trình công tác:

- Trước 1979: Tổ trưởng sản xuất Nhà máy Sắt tráng men nhôm Hải Phòng.
- 1979: Phó Quản đốc xưởng Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1987: Phó Giám đốc Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1996: Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 đến tháng 11/2012: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc BMP.
- 2013 đến 20/04/2018: Chủ tịch HĐQT BMP.
- Trưởng Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:

1.062.252 cổ phần.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



BÀ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Thành viên HĐQT – (Thành viên không điều hành)
 Chủ tịch NBM
 Năm sinh: 1960
 Trình độ: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp,
 Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1981: Nhân viên thống kê Nhà máy Công ty Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Cung tiêu Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 - 2005: Thành viên HĐQT BMP Trưởng phòng Kinh doanh BMP.
- 2006 - 2016: Thành viên HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh BMP.
- 2017 đến 2018: Thành viên HĐQT BMP - Chủ tịch Công ty NBM - Trưởng Tiểu ban Quan hệ cổ đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:
457.034 cổ phần.



BÀ ĐẶNG THỊ THU HÀ

Thành viên HĐQT - (Thành viên không điều hành)
 Năm sinh: 1973
 Trình độ: Cử nhân Kinh tế,
 Cử nhân Ngoại ngữ,
 Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995 đến 2000: Công ty Dệt kim Hà Nội.
- Từ 2000 đến 2007 : Ngân hàng Mizuho Hà Nội.
- Từ 2007 đến 2008: Công ty cổ phần Chứng khoán Tráng An.
- Từ 2008 đến nay: Phó Trưởng Ban đầu tư 3 - SCIC.
- Từ ngày 07/3/2016 đến 2018: thành viên HĐQT BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:
Không có.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



ÔNG APICHAİ CHAREONSUK

Thành viên HĐQT- (Thành viên không điều hành)
Năm sinh: 1966
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Cử nhân Hoá học,
Thạc sĩ Công nghệ Hóa dầu

Quá trình công tác:

- 1999 Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Thai MMA.
- 2005 Giám đốc Công nghệ Sản xuất Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2005 Trưởng phòng Sản xuất LLDPE Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2007 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grand Siam Composite.
- 2011 Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2017 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Thai Plastic and Chemicals PCL.
- Từ ngày 06/6/2017 đến 2018: Thành viên HĐQT BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:
Không có.

Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2018-2023) từ ngày 20/04/2018 đến nay bao gồm 5 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CÁ NHÂN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	0	0
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%
03	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên	0	0
04	Ông Sumpharn Luveeraphan	Thành viên	0	0
05	Ông Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0	0



ÔNG SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD

Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
(Thành viên không điều hành)
Năm sinh : 1967
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 2005 : Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical – Iran.
- 2009: Giám đốc điều hành Công ty SCG Plastic Ltd. – Thailand.
- 2015: Giám đốc điều hành Công ty SCG Chemicals Co. Ltd – Thailand.
- 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefin & Vinyl SCG– Thailand.
- 20/04/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



(xem thông tin trong phần giới thiệu
Ban điều hành trang 34)



(xem thông tin trong phần giới thiệu
Ban điều hành trang 37)

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



ÔNG SUMPAN LUVEERAPHAN

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
(Thành viên không điều hành)
Trưởng Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ
Năm sinh : 1963
Trình độ: Kỹ sư Hóa.

Quá trình công tác:

- 2011: Giám đốc Thương mại TPC Public CO. Ltd. – Thailand.
- 2012: Giám đốc điều hành Công ty TPC Paste Resin Co. Ltd – Thailand.
- 2013: Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Nawa Plastic (Sarabury) Co. Ltd.
- 2016: Tổng Giám đốc điều hành Công ty Nawa Plastic (Sarabury) Co. Ltd.
- 20/04/2018: Thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Bình Minh.



ÔNG PHAN KHẮC LONG

Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
Năm sinh : 1961
Trưởng Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác:

- 1983: Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2.
- 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát.
- 1996: Giám đốc Cty TNHH SX & XD Phan Vũ.
- 2001: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation – Japan.
- 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange).
- 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 20/04/2018: Thành viên HĐQT độc lập công ty CP Nhựa Bình Minh.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

STT	TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỜNG	Ông Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Ngọc Linh	Phụ trách Phòng Nhân sự Phó Tiểu ban
		Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc Nhà máy BMLA Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên Pháp chế Thành viên
		Ông Phạm Hải Đăng	Thủ kho BMBD Thành viên
2	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc Trưởng Tiểu ban
		Ông Bông Hoa Việt	Thư ký HĐQT/ Trưởng phòng QTHC Phó Tiểu ban
		Ông Phùng Hữu Luận	Phó Phòng Kế toán - Tài chính Thành viên
		Bà Vy Thị Hồng Loan	Phó Phòng Kinh doanh Thành viên
		Ông Nguyễn Viết Anh	Phó Phòng Đầu tư - Nghiên cứu Thành viên
3	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT/ Phó TGD Tài chính-Hành chính Trưởng Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD Kỹ thuật Phó Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD Kinh doanh Thành viên
		Ông Hồng Lê Việt	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Thành viên
		Ông Phạm Hoàng Anh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển Thành viên
4	QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ	Ông Sumphan Luveeraphan	Thành viên HĐQT Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên Ban Kiểm soát Phó Tiểu ban
		Ông Lê Anh Huy	Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng Thành viên
		Ông Bùi Văn Hiếu	Phó phòng Quản trị Hệ thống Thông tin Thành viên
		Ông Nguyễn Tuấn Văn	Nhân viên Đầu tư Xây dựng Thành viên



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Từ ngày 01/01/2018-31/12/2018, có tổng cộng 6 cuộc họp HĐQT, bao gồm 2 cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ trước và 4 cuộc họp của HĐQT hiện thời. Trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG DỰ
01	Ông Lê Quang Doanh	2/2	100%	
02	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	2/2	100%	
03	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	1/2	50%	Bận công tác
04	Ông Apichai Chareonsuk	1/2	50%	Bận công tác
05	Ông Sakchai Patipampreechavud	4/4	100%	
06	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	6/6	100%	
07	Ông Wisit Rechaipichitgool	4/4	100%	
08	Ông Sumphan Luveeraphan	4/4	100%	
09	Ông Phan Khắc Long	4/4	100%	

Từ các cuộc họp HĐQT trên, đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định:

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/NQ-BM/HĐQT/2018	02/01/2018	Về việc bổ nhiệm lại ông Hồng Lê Việt giữ chức vụ Kế toán trưởng
02	02/NQ-BM/HĐQT/2018	02/01/2018	Về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Hải giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
03	03/NQ-BM/HĐQT/2018	23/04/2018	Về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2017
04	04/NQ-BM/HĐQT/2018	01/08/2018	Về việc Thông qua việc bổ nhiệm Ông Wisit chức danh Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/QĐ-BM/HĐQT/2018)	02/01/201	Bổ nhiệm lại ông Hồng Lê Việt giữ chức vụ Kế toán trưởng
02	02/QĐ-BM/HĐQT/2018)	02/01/2018	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Hải giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
03	03/QĐ-BM/HĐQT/2018)	25/05/2018	Bổ nhiệm Ông Bông Hoa Việt làm Thư ký HĐQT
	04/NQ-BM/HĐQT/2018	01/08/2018	Về việc Thông qua việc bổ nhiệm Ông Wisit chức danh Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính
04	04/QĐ-BM/HĐQT/2018)	01/06/2018	Miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Kim Yến khỏi chức danh Chủ tịch NBM
05	05/QĐ-BM/HĐQT/2018)	01/06/2018	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Ngân giữ chức danh Chủ tịch NBM
06	06/QĐ-BM/HĐQT/2018)	01/08/2018	Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Phương Nga chức danh Người phụ trách quản trị Công ty
07	07/QĐ-BM/HĐQT/2018)	01/08/2018	Bổ nhiệm Ông Wisit chức danh Phó TGD
	03/NQ-BM/HĐQT/2018	23/04/2018	Về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2017
08	08/QĐ-BM/HĐQT/2018)	08/08/2018	Ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi mà ĐHCD đã thông qua nội dung ngày 20/04/2018
09	09/QĐ-BM/HĐQT/2018)	08/08/2018	Thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển
10	10/QĐ-BM/HĐQT/2018)	08/08/2018	Thành lập Tiểu ban Quan hệ Nhà đầu tư
11	11/QĐ-BM/HĐQT/2018)	08/08/2018	Thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro & Kiểm soát nội bộ
12	12/QĐ-BM/HĐQT/2018)	08/08/2018	Thành lập Tiểu ban Nhân sự, Chính sách, Lương Thưởng.
13	13/QĐ-BM/HĐQT/2018)	17/08/2018	Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ 100% các buổi họp HĐQT từ đầu nhiệm kỳ mới. Với vai trò trực tiếp phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách- Lương thưởng trực thuộc HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng và lựa chọn nhân sự cơ cấu vào các Tiểu ban khác cũng như các vị trí hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT như Thư ký HĐQT, Người phụ trách Quản trị Công ty... Bên cạnh đó, khi Ban điều hành triển khai Dự án quản trị nhân sự mới, nhằm tái cấu trúc tổ chức và sắp xếp lại cách tính lương, thưởng cho người lao động, Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều ý kiến phản biện, làm rõ, cũng như giải thích, tư vấn cho HĐQT hiểu hơn về bản chất và mục đích của Dự án.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Tất cả các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về Quản trị Kinh doanh và có kinh nghiệm hơn 10 năm trong quản trị các công ty. Năm 2018 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT hiện tại, nên các thành viên HĐQT chưa bố trí được thời gian tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Tuy nhiên, bộ phận giúp việc của HĐQT là Thư ký HĐQT và Người phụ trách Quản trị Công ty đã được cử tham gia 02 kỳ tập huấn của HOSE trong năm.

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trước thời điểm 20/04/2018 Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2013-2018) gồm 3 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	GHI CHÚ
01	Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	228.051	Người lao động trong Công ty
02	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	Người lao động trong Công ty
03	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	0	Công tác tại SCIC



BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA

Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1963
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982: Nhân viên Phòng Cung tiêu Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1999: Phó Phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004: Thành viên BKS - Phó Phòng Kinh doanh Nhựa Bình Minh.
- 2008: Trưởng BKS - Phó Phòng Kinh doanh Nhựa Bình Minh.
- 2010 - 2013: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Tiếp thị BMP.
- 2013 đến 2018: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Kinh doanh Nhựa Bình Minh.

2. BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



BÀ NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1983
Trình độ: Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.



BÀ NGUYỄN THỊ THẮM

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1985
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2007: Chuyên viên Kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- 2010 - 2013: Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro - SCIC.
- 2013 đến 2018: Thành viên BKS - Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.

2. BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Từ 20/04/2018 đến nay, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới gồm 3 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	GHI CHÚ
01	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát	0	
02	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	Người lao động trong Công ty
03	Ông Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0	Công tác tại SCG Vietnam



ÔNG NGUYỄN THANH THUẬN

Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
 Năm sinh: 1987
 Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2009: Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).
- 2012: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM
- 2015: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM
- 2016: Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM
- 2018: Trưởng phòng tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia
- 20/04/2018: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh



BÀ NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
 Năm sinh: 1983
 Trình độ: Cử nhân Kế toán,
 Thạc sĩ Tài chính

(Xem thông tin phần giới thiệu ban Kiểm soát trang 94)

2. BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



ÔNG PRAWEEN WIROTPAN

Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
Năm sinh: 1968
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1991: Kiểm toán viên tại Công ty Siem Cement Puplic Co. Ltd.- Thailand
- 1998: Trưởng phòng Quản trị Công ty Cementhai Plastic & Product Co.,Ltd - Thailand
- 2000: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd - Thailand
- 2002: Trưởng Phòng Nhân sự Công ty Thai Plastic&Chemicals Public Co.,Ltd. -Thailand
- 2006: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd
- 2015: Tổng Giám đốc SCG Vietnam
- 20/04/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Bình Minh.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trước thời điểm 20/04/2018 Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2013-2018) gồm 3 thành viên:

S TT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban	20/4/2018	4/4	100%
2	Ông Praween Wirotpan	Thành viên	20/4/2018	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên	25/4/2013	4/4	100%

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp, định kỳ 1 quý/lần để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung cụ thể như sau:

STT	NGÀY	SỐ THÀNH VIÊN THAM GIA	NỘI DUNG CHÍNH
1	20/4/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> • Bầu Trưởng Ban Kiểm soát • Phân công công việc đối với từng thành viên
2	15/5/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 1/2018 • Xem xét Báo cáo tài chính Quý 1/2018 • Xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018 • Rà soát công nợ phải thu của một số khách hàng lớn
3	14/8/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 2/2018 • Xem xét Báo cáo tài chính Quý 2/2018 • Rà soát tình hình đầu tư 6 tháng đầu năm 2018 • Rà soát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ • Rà soát việc quản lý quỹ tiền mặt • Rà soát việc mua bảo hiểm cháy nổ tại các nhà máy sản xuất
4	11/12/2018	3/3	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 3/2018 • Xem xét Báo cáo tài chính Quý 3/2018 • Rà soát tình hình đầu tư 9 tháng năm 2018 • Rà soát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ • Kiến nghị của Ban BKS về quản trị vốn lưu động

Ngoài các cuộc họp và làm việc trực tiếp, BKS cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia các cuộc họp của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong các cuộc họp với HĐQT, BKS tham gia ý kiến về những nội dung liên quan đến công tác quản trị công nợ phải thu, hàng tồn kho, dịch vụ ngân hàng...

2. BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHDCD năm 2018:

- HDQT và Ban Điều hành đã thực hiện tương đối đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHDCD năm 2018.
- Đối với doanh thu và lợi nhuận năm 2018, do nhiều nguyên nhân khách quan nên không đạt được theo kế hoạch được giao, cụ thể: doanh thu đạt 96% và lợi nhuận đạt 88.5% kế hoạch.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HDQT, Ban Điều hành và cổ đông:

- BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HDQT và Ban Điều hành.
- * HDQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.

* Ban Điều hành đã tích cực, chủ động đưa ra các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh và đề xuất ý kiến với HDQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HDQT.

- Trong năm, HDQT nhiệm kỳ 2018-2023 đã tổ chức 06 cuộc họp, ban hành 03 Nghị quyết và 11 Quyết định phù hợp với Điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- 04 tiểu ban trực thuộc HDQT được duy trì, tư vấn cho HDQT và Ban điều hành những vấn đề thiết thực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HDQT, Ban Điều hành:

- BKS ghi nhận sự phối hợp của HDQT và Ban Điều hành. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.

- Các cuộc họp của BKS luôn được Ban Điều hành tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của Ban.
- Về thẩm tra Báo cáo tài chính và các hoạt động khác
- Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 5 đơn vị kiểm toán được ĐHDCD năm 2018 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.
- Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019:

Năm 2019, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHDCD và HDQT.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HDQT, Ban Điều hành.
- Thẩm tra tính trung thực, minh bạch các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- Tư vấn cho HDQT, Ban Điều hành các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH TẠI DOANH NGHIỆP

Thù lao và thưởng năm 2017 còn lại cho thành viên HĐQT nhiệm kỳ cũ (2013-2018), đã thực hiện trong năm 2018:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG _CBCNV	THƯỞNG _CBCNV	THÙ LAO / KHÁC_HĐQT	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ
Lê Quang Doanh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	0	0	1.665.619.000	1.665.619.000	425.467.000	1.240.152.000
Nguyễn Hoàng Ngân	P.CT HĐQT	0	0	1.168.733.000	1.168.733.000	299.027.000	869.706.000
Nguyễn Thị Kim Yến	Nguyên thành viên HĐQT	0	0	1.003.772.000	1.003.772.000	256.821.000	746.951.000
Apichai Chareonsuk	Nguyên thành viên HĐQT	0	0	636.886.000	636.886.000	127.377.000	509.509.000
Đặng Thị Thu Hà	Nguyên thành viên HĐQT	0	0	636.886.000	636.886.000	0	636.886.000

Lương, thưởng, và thù lao tạm ứng năm 2018 cho thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2018-2023), đã thực hiện trong năm 2018:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG _CBCNV	THƯỞNG _CBCNV	THÙ LAO / KHÁC_HĐQT	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ
Sakchai Patiparnpreechawud	Chủ tịch HĐQT	0	0	377.560.976	377.560.976	75.512.195	302.048.781
Nguyễn Hoàng Ngân	P.CT HĐQT - TGD	1.970.084.500	340.964.600	294.292.683	2.575.341.783	827.887.181	1.747.454.602
Sumphan Luveeraphan	Thành viên HĐQT	0	0	226.536.585	226.536.585	45.307.317	181.229.268
Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT	0	0	226.536.585	226.536.585	22.653.659	203.882.926
Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT	0	0	226.536.585	226.536.585	63.767.805	162.768.780

Thù lao và thưởng năm 2017 còn lại cho thành viên BKS nhiệm kỳ cũ (2013-2018), đã thực hiện trong năm 2018:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG _CBCNV	THƯỞNG _CBCNV	THÙ LAO / KHÁC_HĐQT	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ
Nguyễn Thị Phương Nga	Nguyên Trưởng BKS	0	0	474.696.000	474.696.000	103.592.400	371.103.600
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	0	0	409.816.000	409.816.000	89.433.700	320.382.300
Nguyễn Thị Thắm	Nguyên thành viên BKS	0	0	306.878.000	306.878.000	0	306.878.000

Lương, thưởng, và thù lao tạm ứng năm 2018 cho thành viên BKS nhiệm kỳ mới (2018-2023), đã thực hiện trong năm 2018:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG _CBCNV	THƯỞNG _CBCNV	THÙ LAO / KHÁC_HĐQT	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ
Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng BKS	0	0	175.909.090	175.909.090	17.590.909	158.318.181
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	325.198.067	59.184.101	105.545.455	489.927.623	76.935.467	412.992.156
Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0	0	105.545.455	105.545.455	10.554.546	94.990.909



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH TẠI DOANH NGHIỆP

Lương, thưởng cho các thành viên Ban điều hành cấp cao khác đã thực hiện trong năm 2018:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG_CBCNV	THƯỜNG_CBCNV	THÙ LAO / KHÁC_HĐQT	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ
Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD	1.462.890.518	309.011.889	10.000.000	1.781.902.407	409.909.476	1.371.992.931
Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD	1.383.699.245	236.296.390	10.000.000	1.629.995.635	378.835.685	1.251.159.950
Hồng Lê Việt	KTT	1.320.600.143	236.296.390	10.000.000	1.566.896.533	348.101.790	1.218.794.743



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

Giao dịch cổ phiếu của cá nhân

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU
			MUA	BÁN		
Lê Quang Doanh	Nguyên CT. HĐQT	1.062.252			1.062.252	1,298%
Nguyễn Thị Kim Yến	Nguyên Thành viên HĐQT	457.034	1000		458.034	0,558%
Apichai Chareonsuk	Nguyên Thành viên HĐQT	0			0	0
Đặng Thị Thu Hà	Nguyên Thành viên HĐQT	0			0	0
Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch HĐQT	0			0	0
Nguyễn Hoàng Ngân	PCT. HĐQT / TGD	618.550			618.550	0,756%
Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT	0			0	0
Sumphan Luveeraphan	Thành viên HĐQT	0			0	0
Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0			0	0
Nguyễn Thị Phương Nga	Nguyên TB. BKS	228.051			228.051	0,279%
Nguyễn Thị Thắm	Nguyên Thành viên BKS	0			0	0
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040			14.040	0,017%
Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0			0	0
TỔNG CỘNG		2.537.081	1.000	0	2.538.081	3,093%

Giao dịch của Cổ đông sở hữu 5% trở lên

HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU
		MUA	BÁN		
Tổng Công ty Quản lý và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC	24.159.906		24.139.923	19.983	0,02%
Nawaplastic Industries (Saraburi) Co., Ltd.	16.702.288	27.823.623		44.525.911	54,39%
Templeton Frontier Markets Fund	7.251.332		634.320	6.617.012	8,08%
TỔNG CỘNG	48.113.526			51.162.906	62,49%

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: Không có giao dịch

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Về những điểm đã làm được:

- Thực hiện đúng quy định về công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường. Trong năm 2018 không có nhắc nhở nào của HOSE về vấn đề này
- Tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHCĐ 2018 đúng quy định.
- HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc để đánh giá hoạt động trong kỳ cũng như hoạch định kế hoạch hoạt động cho kỳ tới. Thông qua các kỳ họp đã ra những quyết định kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.
- Các tiểu ban của HĐQT đã được hình thành và đi vào hoạt động, có đóng góp, đề xuất và tư vấn cho HĐQT.

Điểm còn hạn chế:

Hiện nay cơ cấu thành viên của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập chưa đáp ứng được yêu cầu cần tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Trong năm 2019, Công ty sẽ tích cực tìm kiếm các ứng viên độc lập có kinh nghiệm về kinh doanh, quản trị và pháp luật để trình ĐHCĐ xem xét bầu chọn.





Báo cáo

TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	Đến ngày 20/04/2018
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	Từ ngày 24/04/2018
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	Đến ngày 20/04/2018
Ông Sumphan Luveeraphan	Thành viên	Từ ngày 20/04/2018
Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên	Từ ngày 20/04/2018
Ông Phan Khắc Long	Thành viên	Từ ngày 20/04/2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Wisit Rechaipichitgool	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/08/2018
Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng ban	Đến ngày 20/04/2018
Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban	Từ ngày 24/04/2018
Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên	

Bà Nguyễn Thị Thắm Thành viên Đến ngày 20/04/2018

Ông Praween Wirotpan Thành viên Từ ngày 20/04/2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 112 đến trang 148 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 100/BCKT/TC

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con, được lập ngày 14/03/2019, từ trang 112 đến trang 148, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Như Lê

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2855-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018 (*)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.806.688.352.687	1.766.146.665.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	412.303.012.109	445.325.555.042
1. Tiền	111		412.303.012.109	445.325.555.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000.000	450.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	200.000.000.000	450.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		599.424.414.290	460.388.459.618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	444.215.156.684	348.405.029.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	145.289.551.105	93.480.282.783
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	90.819.418.722	84.894.654.306
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(81.389.891.303)	(66.881.685.952)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	490.179.082	490.179.082
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	567.338.833.213	384.705.882.686
1. Hàng tồn kho	141		567.338.833.213	384.705.882.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.622.093.075	25.726.768.620
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	9.552.020.735	3.907.456.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.186.802.176	19.904.696.261
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	883.270.164	1.914.615.485
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.005.510.236.574	1.056.977.318.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018(*)
II. Tài sản cố định	220		857.157.562.988	934.706.927.841
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	598.291.802.461	677.513.071.107
- Nguyên giá	222		1.549.747.724.415	1.474.192.790.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(951.455.921.954)	(796.679.719.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	258.865.760.527	257.193.856.734
- Nguyên giá	228		298.190.374.843	286.549.368.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.324.614.316)	(29.355.512.012)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.366.617.816	10.285.864.322
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	13.366.617.816	10.285.864.322
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	67.831.379.352	67.018.922.495
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		65.831.379.352	64.824.972.095
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.193.950.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.154.676.418	44.965.603.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.476.732.462	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	14.744.187.959	27.350.170.997
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		45.933.755.997	17.615.432.411
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.812.198.589.261	2.823.123.984.032

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018 (*)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		358.546.067.527	423.168.399.861
I. Nợ ngắn hạn	310		358.546.067.527	423.168.399.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	132.012.665.283	170.886.882.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	16.431.809.415	63.406.706.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.290.042.206	19.982.898.964
4. Phải trả người lao động	314		52.599.952.841	57.623.329.068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	48.200.455.338	16.531.617.930
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.004.596.594	3.709.450.534
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	58.625.187.000	61.312.187.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.381.358.850	29.715.328.342
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán trái phiếu CP	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.453.652.521.734	2.399.955.584.171
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.453.652.521.734	2.399.955.584.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.279.666.344.571	1.188.884.608.976

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018 (*)
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		308.800.462.463	345.885.260.495
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.981.681.900	3.981.681.900
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		304.818.780.563	341.903.578.595
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.812.198.589.261	2.823.123.984.032

(*) Số dư tại ngày 01/01/2018 đã được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 20/04/2018 (Xem thêm ở thuyết minh VII.9)

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.129.972.734.326	4.056.607.554.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	210.335.296.270	231.948.886.761
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	3.919.637.438.056	3.824.658.667.478
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.047.590.783.016	2.901.883.582.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		872.046.655.040	922.775.085.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	25.106.601.101	24.481.735.279
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	105.484.986.226	97.838.321.698
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>292.427.536</i>	<i>1.262.423.915</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.071.407.257	453.163.264
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	165.853.774.242	135.639.589.779
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	97.832.603.890	124.418.207.374
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		529.053.299.040	589.813.865.164
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.132.541.226	565.797.993
13. Chi phí khác	32	VI.9	265.181.817	7.422.962.507
14. Lợi nhuận khác	40		867.359.409	(6.857.164.514)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		529.920.658.449	582.956.700.650
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	89.704.487.848	144.928.431.175
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	12.605.983.039	(26.666.716.120)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		427.610.187.562	464.694.985.595
<i>18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	61		<i>427.610.187.562</i>	<i>464.694.985.595</i>
<i>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	62		<i>-</i>	<i>-</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	5.224	5.109
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	5.224	5.109

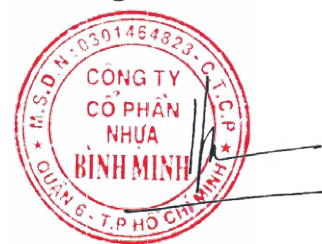
Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	529.920.658.449	582.956.700.650
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	172.420.049.029	98.883.259.060
- Các khoản dự phòng	03	14.508.205.351	25.195.679.462
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(158.281.796)	10.466.558
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.845.520.047)	(24.610.482.589)
- Chi phí lãi vay	06	292.427.536	1.262.423.915
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	693.137.538.522	683.698.047.056
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(144.260.944.443)	213.619.237.746
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(210.951.274.113)	79.279.380.519
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(67.651.915.490)	27.506.319.828
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.121.296.323)	(24.221.208)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(574.652.945)	(4.716.298.317)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(89.846.096.924)	(179.979.225.604)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.803.467.492)	(77.788.720.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	122.927.890.792	741.594.519.419
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(97.991.754.472)	(416.011.183.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	336.818.182	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250.000.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	437.499.733	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.799.473.036	24.144.618.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	175.582.036.479	(351.857.473.840)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	270.187.000	2.565.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.517.187.000)	(47.245.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(327.443.752.000)	(304.705.327.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(331.690.752.000)	(349.385.327.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(33.180.824.729)	40.351.718.579
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	445.325.555.042	404.984.303.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	158.281.796	(10.466.558)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	412.303.012.109	445.325.555.042

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có công ty con được hợp nhất như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Đường D1, khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Văn, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	29,05%	29,05%
Công ty Cổ phần ĐT KD BDS Bình Minh Việt	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	26%	26%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21/03/2017 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 50 năm	41 – 50 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định hiện hành khác.

Tài sản cố định là quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu cho Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	998.364.485	1.679.744.081
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	411.304.647.624	443.645.810.961
Cộng	412.303.012.109	445.325.555.042

2. Các khoản đầu tư tài chính

Ngân hạn	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hạn	200.000.000.000	200.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	200.000.000.000	200.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
Dài hạn				
<i>i) Đầu tư vào công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	11.231.379.352	29,05%	11.784.972.095	29,05%
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	54.600.000.000	26,00%	53.040.000.000	25,26%
Cộng	65.831.379.352		64.824.972.095	

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: Quyền biểu quyết của công ty trong các công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các công ty này.

Số lượng cổ phiếu	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Long Hậu	-	-	17.317	294.389.000
Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đồng/ cổ phiếu)	20.000	(2.000.000.000)	4.000.000.000	(2.000.000.000)
Cộng	4.000.000.000	(2.000.000.000)	4.193.950.400	(2.000.000.000)
				2.294.389.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	154.551.147.451	93.680.866.334
Công ty TNHH Đầu Tư - Tư Vấn - Xây Dựng Thép Mới	59.496.035.002	65.907.614.897
Công ty TNHH SXTM Phương Hoàng	43.346.655.605	38.494.225.344
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	45.329.768.084	12.483.158.127
Phải thu bán hàng các khách hàng khác	141.491.550.542	137.839.164.697
Cộng	444.215.156.684	348.405.029.399

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: **Không có**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Eplas	19.631.495.246	-
Azo Limited	54.397.235.200	-
Công ty CP Điện Máy R.E.E	287.760.000	8.206.532.400
Kraussmaffe Technologies GmbH	20.098.048.000	20.420.934.200
Rollepaal BV	-	12.801.120.070
Promixon S.R.L	8.668.037.371	15.111.176.032
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	42.206.975.288	36.940.520.081
Cộng	145.289.551.105	93.480.282.783

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: **Không có**

5. Phải thu khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tạm ứng	1.026.432.010	1.028.812.595
Ký cược, ký quỹ	87.453.021.500	82.773.060.804
<i>Phải thu khác (*)</i>	<i>2.339.965.212</i>	<i>1.092.780.907</i>
<i>BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên</i>	<i>1.092.134.101</i>	<i>936.279.907</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.247.831.111</i>	<i>156.501.000</i>
Cộng	90.819.418.722	84.894.654.306

Phải thu khác là các bên liên quan: **Không có**

(*) Số dư phải thu khác tại ngày 01/01/2018 đã được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018 (Xem thêm ở thuyết minh VII.9).

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND		01/01/2018		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	111.598.684.944	30.208.793.641	(81.389.891.303)	30.208.793.641	30.208.793.641
Cộng	111.598.684.944	30.208.793.641	(81.389.891.303)	30.208.793.641	30.208.793.641

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Đơn vị tính: VND		01/01/2018		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn					
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	(34.844.128.351)			(34.844.128.351)	
DNTN Thanh Tuyệt	(20.992.959.002)			(20.992.959.002)	
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	(3.345.787.005)			(4.436.986.683)	
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	(17.332.582.165)			(1.539.702.691)	
Các khách hàng khác	(4.874.434.780)			(5.394.271.631)	
Cộng	(81.389.891.303)			(81.389.891.303)	

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Đơn vị tính: VND		01/01/2018		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hàng tồn kho	490.179.082			490.179.082	
Cộng	490.179.082			490.179.082	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.217.992.487	-	5.032.741.820	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.973.018.683	-	140.484.955.983	-
Công cụ, dụng cụ	15.443.004.390	-	14.380.069.882	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.718.987.952	-	82.123.339.186	-
Thành phẩm	218.945.816.218	-	97.921.137.041	-
Hàng hoá	56.040.013.483	-	44.763.638.774	-
Cộng	567.338.833.213	-	384.705.882.686	-

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà của vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	499.939.420.046	934.608.691.291	31.864.694.187	7.779.984.830	1.474.192.790.354
Số tăng trong năm	2.084.976.047	76.935.838.834	4.249.180.000	-	83.269.994.881
- Mua sắm mới	-	76.935.838.834	4.249.180.000	-	81.185.018.834
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.084.976.047	-	-	-	2.084.976.047
Số giảm trong năm	-	7.073.260.725	641.800.095	-	7.715.060.820
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.073.260.725	641.800.095	-	7.715.060.820
Số dư cuối năm	502.024.396.093	1.004.471.269.400	35.472.074.092	7.779.984.830	1.549.747.724.415
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	123.534.823.410	646.587.855.766	21.445.138.722	5.111.901.349	796.679.719.247
Số tăng trong năm	69.501.863.431	89.230.599.050	3.391.497.979	326.986.265	162.450.946.725
- Khấu hao trong năm	69.501.863.431	89.230.599.050	3.391.497.979	326.986.265	162.450.946.725
Số giảm trong năm	-	7.032.943.923	641.800.095	-	7.674.744.018
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.032.943.923	641.800.095	-	7.674.744.018
Số dư cuối năm	193.036.686.841	728.785.510.893	24.194.836.606	5.438.887.614	951.455.921.954
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	376.404.596.636	288.020.835.525	10.419.555.465	2.668.083.481	677.513.071.107
Tại ngày cuối năm	308.987.709.252	275.685.758.507	11.277.237.486	2.341.097.216	598.291.802.461

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **564.900.206.878 đồng.**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyển sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	275.650.873.946	10.898.494.800	286.549.368.746
Số tăng trong năm	-	11.641.006.097	11.641.006.097
- Mua sắm mới	-	11.641.006.097	11.641.006.097
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	275.650.873.946	22.539.500.897	298.190.374.843
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	28.986.887.851	368.624.161	29.355.512.012
- Khấu hao trong năm	5.237.475.402	4.731.626.902	9.969.102.304
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	34.224.363.253	5.100.251.063	39.324.614.316
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	246.663.986.095	10.529.870.639	257.193.856.734
Tại ngày cuối năm	241.426.510.693	17.439.249.834	258.865.760.527

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là **424.913.800 đồng**.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	536.177.265	1.614.236.512	1.688.481.071	461.932.706
Xây dựng cơ bản dở dang	9.749.687.057	12.904.685.110	9.749.687.057	12.904.685.110
- Chi phí tư vấn triển khai CNTT và bản quyền phần mềm Oracle	9.749.687.057	262.500.000	9.749.687.057	262.500.000
- Hệ thống cấp nước và khí nén tại Nhà máy nhựa BM - KCN Sóng Thần 1	-	8.580.526.510	-	8.580.526.510
- Hệ thống nạp bột PVC-U	-	4.043.476.782	-	4.043.476.782
- Chi phí XDCB dở dang khác	-	18.181.818	-	18.181.818
Cộng	10.285.864.322	14.518.921.622	11.438.168.128	13.366.617.816

12. Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	9.552.020.735	3.907.456.874
Chi phí chờ phân bổ	9.552.020.735	3.907.456.874
b) Dài hạn	6.476.732.462	-
Chi phí khuôn chờ phân bổ	6.476.732.462	-
Cộng	16.028.753.197	3.907.456.874

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Phát sinh trong kỳ				
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	54.600.000.000	54.600.000.000	1.560.000.000	-
Các đối tượng khác (*)	4.025.187.000	4.025.187.000	270.187.000	4.517.187.000
Cộng	58.625.187.000	58.625.187.000	1.830.187.000	4.517.187.000

Vay ngắn hạn

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	54.600.000.000	54.600.000.000	53.040.000.000	53.040.000.000
Các đối tượng khác (*)	4.025.187.000	4.025.187.000	8.272.187.000	8.272.187.000
Cộng	58.625.187.000	58.625.187.000	61.312.187.000	61.312.187.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại có phân Công thương Việt Nam cộng thêm 10% của mức lãi suất này cùng thời điểm.

Vay ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	54.600.000.000	-	53.040.000.000	53.040.000.000
--	----------------	---	----------------	----------------

14. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC Vina	67.840.388.000	67.840.388.000	47.733.576.000	47.733.576.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	27.163.840.000	27.163.840.000	25.009.600.000	25.009.600.000
Phải trả cho các đối tượng khác	37.008.437.283	37.008.437.283	98.143.706.020	98.143.706.020
Cộng	132.012.665.283	132.012.665.283	170.886.882.020	170.886.882.020
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	-	-	4.190.489.619	4.190.489.619
Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC Vina	67.840.388.000	67.840.388.000	47.733.576.000	47.733.576.000
Cộng	67.840.388.000	67.840.388.000	51.924.065.619	51.924.065.619

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	6.658.537.177	16.026.071.958
Công ty TNHH Trường Minh Hải	2.131.345.721	13.157.023.670
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tô Minh Liêm	2.888.517.596	20.881.330.280
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất - Thương Mại và Xây Dựng Hoàn Tuấn Thành	1.801.026.728	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Bùi Xuân Đường	1.712.417.431	2.846.276.898
Các khách hàng khác	1.239.964.762	10.496.003.197
Cộng	16.431.809.415	63.406.706.003

16. Thuế và các khoản phải nộp | phải thu Nhà Nước

Đơn vị tính : VND

	Trong năm		31/12/2018	01/01/2018	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.914.615.485	1.489.833.000	73.579.369.279	70.938.646.072	-	-	2.215.940.722
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	64.898.437.265	64.898.437.265	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.715.504.935	3.715.504.935	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.042.675.225	89.704.487.848	89.846.096.924	-	-	13.901.066.149
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.811.560.330	15.790.596.681	18.312.391.840	883.270.164	883.270.164	173.035.335
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	1.922.705.012	1.922.705.012	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.638.830.409	215.770.722	2.854.601.131	-	-	-
Cộng	1.914.615.485	19.982.898.964	249.826.871.742	252.488.383.179	883.270.164	883.270.164	16.290.042.206

17. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chiết khấu phải trả	45.236.921.043	13.440.858.226
Chi phí lãi vay	388.534.295	670.759.704
Chi phí thù lao HĐQT, BKS	2.365.000.000	2.210.000.000
Chi phí khác	210.000.000	210.000.000
Cộng	48.200.455.338	16.531.617.930

18. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	393.273.928	393.273.928
Kinh phí công đoàn	267.159.820	1.087.643.886
Cổ tức phải trả	350.414.300	350.414.300
Nhận ký quỹ, ký cược	1.553.030.450	1.140.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	440.718.096	738.118.420
Cộng	3.004.596.594	3.709.450.534
<i>b) Dài hạn</i>		
	-	-
Cộng	3.004.596.594	3.709.450.534

Số không có khả năng trả: **không có**Phải trả khác là các bên liên quan: **không có**

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.231.037.730	28.232.506.040
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(486.849.771)	(882.335.043)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.744.187.959	27.350.170.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quy đầu tư phát triển (*)	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm trước					
- Lãi trong năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	1.206.459.073.861	44.983.552.000	540.429.205.015	2.248.249.413.576	
- Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo NQ ĐHDCCD					464.694.985.595	464.694.985.595	
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(536.447.523.115)	(536.447.523.115)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				346.250.115.115	(90.956.960.000)	(90.956.960.000)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(346.250.115.115)	-	
+ Trích quỹ thưởng đặc biệt cho NLD, HDQT và BKS					(56.466.403.000)	(56.466.403.000)	
+ Thuông cho HDQT và BKS					(36.500.000.000)	(36.500.000.000)	
- Phát hành cổ phiếu thưởng (*)				(363.824.580.000)	(6.274.045.000)	(6.274.045.000)	
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017					(122.791.407.000)	(122.791.407.000)	
Số dư cuối năm trước	818.609.380.000	1.592.782.700	1.188.884.608.976	44.983.552.000	345.885.260.496	2.399.955.584.172	
Số dư đầu năm nay	818.609.380.000	1.592.782.700	1.188.884.608.976	44.983.552.000	345.885.260.495	2.399.955.584.171	
- Lãi trong năm nay					427.610.187.562	427.610.187.562	
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo NQ ĐHDCCD					(341.903.578.595)	(341.903.578.595)	
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(204.652.345.000)	(204.652.345.000)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				90.781.735.595	(90.781.735.595)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(41.822.548.000)	(41.822.548.000)	
+ Thuông cho HDQT và BKS					(4.646.950.000)	(4.646.950.000)	
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018(**)					(122.791.407.000)	(122.791.407.000)	
Số dư cuối năm nay	818.609.380.000	1.592.782.700	1.279.666.344.571	44.983.552.000	308.800.462.463	2.453.652.521.734	

(*) Số dư Quỹ đầu tư phát triển được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018 (Xem thêm ở thuyết minh VII.9).

(**) Theo nghị quyết số : 05/NQ-BM/HDQT ngày 22/11/2018 của HDQT về việc tạm ứng có tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2018 là 15%/ Vốn điều lệ (1.500 đồng trên 1 cổ phiếu).

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	%	01/01/2017 VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	199.830.000	0,02%	241.599.060.000	29,51%
Vốn góp của các đối tượng khác	818.409.550.000	99,98%	577.010.320.000	70,49%
Cộng	818.609.380.000	100,00%	818.609.380.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	818.609.380.000	454.784.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	363.824.580.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	818.609.380.000	818.609.380.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(327.443.752.000)	(213.748.367.000)
Trong đó:		
+ Bằng tiền	(327.443.752.000)	(213.748.367.000)

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	81.860.938	81.860.938
- Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
- Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	81.860.938

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
+ USD	373.570,66	289.273,32
+ EUR	31.395,37	17.445,37
+ JPY	42.000,00	42.000,00
+ SGD	4.970,00	2.450,00
+ THB	206.250,00	13.500,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.129.972.734.326	4.056.607.554.239
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.845.371.519.195	3.805.089.967.778
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	284.542.757.860	251.369.000.802
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.457.271	148.585.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	210.335.296.270	231.948.886.761
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	200.878.835.829	230.782.768.044
Hàng bán bị trả lại	9.456.460.441	1.166.118.717
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.919.637.438.056	3.824.658.667.478
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.655.458.981.395	3.581.638.039.636
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	264.119.999.390	242.872.042.183
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	58.457.271	148.585.659

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.787.230.414.143	2.653.141.369.744
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	260.392.333.273	248.742.212.262
Cộng	3.047.622.747.416	2.901.883.582.006

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.784.513.577	24.144.618.474
Cổ tức và lợi nhuận được chia	74.548.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.003.989.691	337.116.805
Lãi bán chứng khoán	243.549.333	-
Cộng	25.106.601.101	24.481.735.279

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền vay	292.427.536	974.875.274
Lỗ chênh lệch tỷ giá	849.618.000	556.071.153
Chiết khấu thanh toán	104.342.940.690	96.307.375.271
Cộng	105.484.986.226	97.838.321.698

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	18.281.890.642	16.528.815.827
Chi phí vật liệu, bao bì	20.209.974.750	25.038.383.659
Chi phí khấu hao TSCD	2.103.281.642	1.840.066.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.186.490.885	81.723.585.392
Chi phí bằng tiền khác	14.072.136.323	10.508.738.769
Cộng	165.853.774.242	135.639.589.779
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	25.637.279.855	24.405.000.709
Chi phí vật liệu quản lý	8.021.644.465	17.520.614.122
Chi phí khấu hao TSCD	5.668.776.178	1.927.174.367
Thuế, phí và lệ phí	460.138.826	772.018.336
Chi phí dự phòng	14.508.205.351	27.138.780.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.472.263.858	28.768.472.813
Chi phí bằng tiền khác	28.064.295.357	23.886.146.814
Cộng	97.832.603.890	124.418.207.374

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCD	296.501.380	12.700.851
Các khoản khác	836.039.846	553.097.142
Cộng	1.132.541.226	565.797.993

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu và phạt vi phạm luật thuế	226.830.722	7.093.669.763
Các khoản khác	38.351.095	329.292.744
Cộng	265.181.817	7.422.962.507

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty mẹ:** Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty con:** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.
 - Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
 - Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	89.704.487.848	144.928.431.175

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.938.071.752	590.276.878
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(13.332.088.713)	(27.256.992.998)
Cộng	12.605.983.039	(26.666.716.120)

12. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	427.610.187.562	464.694.985.595
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(46.469.498.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(46.469.498.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(41.822.548.000)
+ Thương cho HDQT và BKS (*)	-	(4.646.950.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	427.610.187.562	418.225.487.595
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5.224	5.109
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	5.224	5.109

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng cho HDQT, BKS từ lợi nhuận năm 2018.

(**) Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố cho các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng cho HDQT và BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018.

Công ty không có CP phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2018.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.509.795.981.475	2.184.893.056.209
Chi phí nhân công	268.423.598.109	247.704.244.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.420.049.029	98.883.259.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.888.013.797	195.238.264.460
Chi phí khác bằng tiền	71.257.717.239	72.570.608.304
Cộng	3.232.785.359.649	2.799.289.432.591

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương, thù lao	16.917.733.541	16.703.072.175

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Nhựa Đà Nẵng	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ	5.626.546.057
Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC ViNa	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	933.204.240.000

Cho đến ngày 31/12/2018, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan xem tại thuyết minh V.14.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	412.303.012.109	445.325.555.042	412.303.012.109	445.325.555.042
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	450.000.000.000	200.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	536.282.406.517	433.456.184.705	536.282.406.517	433.456.184.705
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.000.000.000	2.193.950.400	2.000.000.000	2.294.389.000
Cộng	1.150.585.418.626	1.330.975.690.147	1.150.585.418.626	1.331.076.128.747
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	58.625.187.000	61.312.187.000	58.625.187.000	61.312.187.000
Phải trả người bán và phải trả khác	134.356.828.129	173.115.414.740	134.356.828.129	173.115.414.740
Chi phí phải trả	48.200.455.338	16.531.617.930	48.200.455.338	16.531.617.930
Cộng	241.182.470.467	250.959.219.670	241.182.470.467	250.959.219.670

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2017 và vào ngày 31/12/2018.

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là số dư vào ngày 31/12/2017 và vào ngày 31/12/2018 theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 152.702.000.000 đồng và 137.581.600.000 đồng để đảm bảo cho việc mua hàng hóa chưa phải thanh toán ngay thời điểm nhập hàng hóa.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

Thông tin thời hạn đảo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
31/12/2018	241.182.470.467	-	241.182.470.467
Các khoản vay	58.625.187.000	-	58.625.187.000
Phải trả người bán	132.012.665.283	-	132.012.665.283
Phải trả khác	2.344.162.846	-	2.344.162.846
Chi phí phải trả	48.200.455.338	-	48.200.455.338
01/01/2018	250.959.219.670	-	250.959.219.670
Các khoản vay	61.312.187.000	-	61.312.187.000
Phải trả người bán	170.886.882.020	-	170.886.882.020
Phải trả khác	2.228.532.720	-	2.228.532.720
Chi phí phải trả	16.531.617.930	-	16.531.617.930

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Số liệu Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Tại ngày 31/12/2017 (Sau điều chỉnh)	Tại ngày 31/12/2017 (Trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Các khoản vay	84.771.615.803	133.895.812.890	(49.124.197.087)
Chi phí phải trả	1.034.639.316.596	1.083.763.513.683	(49.124.197.087)

Đây là khoản thuế TNDN năm 2009 và 2010 Công ty xác định được miễn giảm do ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu. Công ty đã hạch toán khoản thuế được miễn giảm này vào Quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn tại công văn số 499 TC/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, năm 2013 sau khi thanh tra thuế Công ty bị truy thu do không được miễn giảm theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế, quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 và quyết định số 6060/QĐ-CTTTP của Cục Thuế TP.HCM. Công ty đã nộp và đã tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác mà không hạch toán vào chi phí thuế TNDN để tiếp tục khiếu nại, nhưng quá trình khiếu nại không đem lại kết quả như mong muốn. Do đó, Công ty đã điều chỉnh hồi tố khoản trên vào lợi nhuận chưa phân phối cho kỳ phát sinh, tuy nhiên khoản lợi nhuận tiết kiệm được nêu trên đã hạch toán tăng quỹ đầu tư phát triển cho kỳ phát sinh. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018 đã đồng ý hạch toán khoản thuế bị truy thu nói trên giảm vào Quỹ đầu tư phát triển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2018

Số liệu Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Thuyết minh lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được trình bày lại do trích các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng cho HDQT và BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/04/2018 như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Thuyết minh lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017 (Sau điều chỉnh)	Năm 2017 (Trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	418.225.487.595	464.694.985.595	(46.469.498.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	81.860.938	81.860.938	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.109	5.677	(568)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.109	5.677	(568)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2018, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



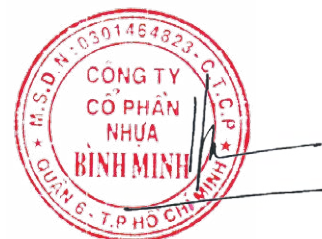
Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

